ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

NGUYỄN THỊ CHÍNH

ĐẶC TRƯNG THƠ VĂN XUÔI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 62 22 01 21

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
VĂN HỌC VIỆT NAM

HUẾ - NĂM 2016

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TS ĐỖ LAI THÚY

2. TS HOÀNG ĐỨC KHOA

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Thơ văn xuôi đã hiện diện trên thế giới từ đầu thế kỉ XIX. Ở Việt Nam, nó ra đời và phát triển đến nay cũng gần một thế kỉ, thế nhưng thể thơ này vẫn chưa quen thuộc với mọi đối tượng độc giả cũng như được mọi người trong giới nghiên cứu thừa nhận. Trong nhiều bài viết có tính chất tổng kết về bức tranh thơ ca của một giai đoạn hay sự nghiệp sáng tác của nhà thơ, nó vẫn thường bị bỏ quên hay bị lướt qua.

1.2. Từ sau năm 1975, thơ văn xuôi xuất hiện ngày một nhiều. Theo đó, những nghiên cứu về thơ văn xuôi cũng ngày càng nhiều hơn. Song, dù có thu hút sự chú ý nhưng xung quanh nó vẫn còn bề bộn những ý kiến, những nhận định không rõ ràng. Tên gọi, đặc điểm, tiêu chí nhận diện,… của nó vẫn còn là vấn đề gây tranh cải. Hiện tại, về lí thuyết thể loại cũng như thực tiễn sáng tác, thơ văn xuôi ở Việt Nam vẫn còn có nhiều vấn đề bỏ ngỏ, cần sự nghiên cứu tiếp tục.

1.3. Mỗi thể loại văn học đều có đặc trưng riêng và đó là cái lí để nó có được vị trí của mình trong ngôi nhà thể loại. Là thể thơ lai ghép, một thể trung gian giữa thơ và văn xuôi, bản thân nó đã phức tạp nên việc tìm ra những đặc trưng của nó lại càng cần thiết hơn đối với người nghiên cứu cũng như người làm công tác giảng dạy.

2. Mục đích nghiên cứu:

Với đề tài này chúng tôi muốn bao quát thực tiễn sáng tác thơ văn xuôi Việt Nam, phác thảo diện mạo cũng như sự phát triển của nó; Chỉ ra những đặc trưng của thơ văn xuôi; Qua đó đóng góp phần nào cho việc xác lập vị trí của thơ văn xuôi trong hệ thống thể loại của nền thơ dân tộc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của Luận án là những sáng tác thơ văn xuôi Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của Luận án là hướng vào làm rõ đặc trưng thơ văn xuôi Việt Nam hiện đại.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng những phương pháp cơ bản sau: *phương pháp*

loại hình, phương pháp hệ hình, phương pháp so sánh – đối chiếu. Bên cạnh còn sử dụng phương pháp tiếp cận tác phẩm theo hướng thi pháp học hay các thao tác: phân tích, thống kê phân loại, khảo sát văn bản,....

5. Đóng góp của Luận án:

Luận án hướng vào những đóng góp có ý nghĩa khoa học sau:

Thứ nhất, thông qua việc khảo sát thơ văn xuôi từ những sáng tác của phong trào Thơ mới đến nay (kể cả thơ miền Nam 1955-1975), luận án dựng lại bức tranh toàn cảnh về thơ văn xuôi suốt một thế kỉ qua.

Thứ hai, luận án dùng lí thuyết hệ hình, một mặt để miêu tả sự phát triển của thơ văn xuôi qua các giai đoạn lịch đại, mặt khác như một tiêu chí để nhận diện những đặc trưng của thơ văn xuôi ở từng giai đoạn, cũng như với từng tác giả, tác phẩm.

Thứ ba, luận án đi vào làm rõ những phương thức nghệ thuật mang tính đặc trưng của thơ văn xuôi trong cái nhìn đối sánh với các thể thơ khác.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, phần Nội dung của Luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Những tiền đề nghiên cứu thơ văn xuôi

Chương 3. Ba hệ hình thơ văn xuôi Việt Nam hiện đại

Chương 4. Những phương thức nghệ thuật của thơ văn xuôi Việt Nam

NỘI DUNG

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu về lí thuyết thể loại

1.1.1. Trên thế giới

Tuyển tập thơ văn xuôi (Việt Nam và nước ngoài) có trích dẫn từ ***Từ điển văn học*** **(Pháp)** những quan niệm về thơ văn xuôi của Cha xứ địa phận La Bresche, của Guze De Balzac và Baudelaire. Trong lời giới thiệu ***Thơ văn xuôi: Hợp tuyển quốc tế*** , Michael Benedikt cũng đưa ra quan niệm về thơ văn xuôi. Bài viết ***What is a prose poem***? đề cập đến khái niệm, sự hình thành và phát triển của thể thơ này. Và ở ***The American prose poem, Poetic form and the Boundaries of Genre***, Michel Delville cũng có nói đến đến lịch sử của thể thơ. Song, thật sự so

với thành tựu thơ văn xuôi trên thế giới thì những nghiên cứu về thể loại đi vào Việt Nam là vô cùng hạn chế.

1.1.2. Ở Việt Nam

Ở Việt Nam, những công trình, bài viết tiêu biểu bàn luận trực tiếp về thơ văn xuôi có thể kể: ***Một vài ý kiến về thơ văn xuôi*** (Xuân Diệu), ***Thơ văn xuôi*** (Hà Minh Đức), ***Tư duy và cấu trúc nghệ thuật thơ văn xuôi*** (Nguyễn Ngọc Thiện), ***Thơ văn xuôi hay là thơ không vần*** (Nguyễn Trọng Tạo), ***Nghĩ về thơ văn xuôi*** (Nguyễn Đăng Điệp), ***Một số đặc điểm của thơ văn xuôi*** (Lê Thị Hồng Hạnh), ***Thơ văn xuôi - nhu cầu tự thân của thời đại*** (Dương Kiều Minh), ***Thơ văn xuôi - tiềm năng và phát triển*** (Nguyễn Văn Dân),…Bên cạnh đó là những chuyên luận về thơ Việt Nam hiện đại, đương đại có những quan tâm đến thể thơ này: ***Thơ trữ tình Việt Nam (1975 - 1990)*** của Lê Lưu Oanh, ***Thơ trữ tình Việt Nam từ giữa thập kỉ 80 đến nay - Những đổi mới cơ bản*** của Đặng Thu Thủy,… Những nghiên cứu thơ văn xuôi ở nhà trường như: ***Diện mạo thơ văn xuôi Việt*** (Hồ Tú Anh), ***Bước đầu tìm hiểu một số đặc điểm của thơ văn xuôi và sự thể nghiệm của thể thơ này trong phong trào Thơ mới ở Việt Nam*** (Trần Ngọc Hiếu), ***Sự thâm nhập của chất văn xuôi vào thơ Việt Nam đương đại*** (Nguyễn Thanh Tâm),… Với những nghiên cứu này, có thể nói, những vấn đề về *khái niệm*, về *đặc điểm, ranh giới phân loại*, những *kết tinh nghệ thuật* cũng như *tiềm năng và triển vọng* của thể thơ đã được bàn luận ở đây. Nhìn tổng thể, những vấn đề cốt lõi của thể loại đều đã được đề cập. Song, đa phần là những ý kiến có tính chất tản mạn, chưa bao quát và đặc biệt chưa có được tiếng nói đồng thuận cao, những nhận định phần lớn được nêu lên một cách khá dè dặt, cảm tính.

1.2. Tình hình nghiên cứu về thơ văn xuôi Việt Nam

Ở mảng này tiêu biểu có bài viết của Lưu Khánh Thơ, Vũ Quỳnh Loan ghi nhận về các chặng đường phát triển của thơ văn xuôi Việt Nam với những thành công của nó. Nghiên cứu ở nhà trường tiêu biểu có tiểu luận của Trần Ngọc Hiếu, luận văn của Lê Thị Hồng Hạnh, Lê Ngọc Chương, Trần Thị Phúc Hiếu, luận án của Vũ Quỳnh Loan,... Phần nghiên cứu này tập trung vào việc tìm hiểu đặc điểm của thể thơ ở hai phương diện nội dung và hình thức song đa phần cũng chỉ dừng lại khảo sát đối tượng chính là thơ văn xuôi trong ***Tuyển tập thơ văn xuôi (Việt Nam và***

nước ngoài) của Nguyễn Văn Hoa và Nguyễn Ngọc Thiện [44]. Luận án của Vũ Quỳnh Loan mở rộng thêm hệ biểu tượng cơ bản trong thơ văn xuôi và đặt thơ văn xuôi trong tiến trình thơ Việt Nam hiện đại. Mảng viết về tác giả tiêu biểu có các bài viết về Đặng Đình Hưng của Thụy Khuê, Đỗ Lai Thúy, về Chế Lan Viên của Nguyễn Lâm Điền, Lý Toàn Thắng và về Mai Văn Phấn của Nguyễn Ngọc Thiện,... Phần nghiên cứu này thật sự vô cùng hạn chế, song các bài viết cũng đã tập trung vào những tác giả là tiêu điểm của thể loại.

Nhìn chung, các tài liệu nghiên cứu đều chú ý đến những vấn đề cốt lõi của thể loại, song phần nhiều chỉ dừng lại ở những nhận định khái quát, chưa có sự phân tích, triển khai sâu rộng, cụ thể nên việc nhận diện nó vẫn còn nhiều khó khăn, nhiều vấn đề đặt ra chưa có được sự thống nhất, vẫn còn bỏ ngỏ. Ở mảng nghiên cứu mang tính trường qui, từ năm 2000 đến nay, thơ văn xuôi cũng nhận được sự quan tâm đáng kể. Tuy nhiên, chưa có một tài liệu nào bao quát được tư liệu khảo sát. Mảng nghiên cứu về tác giả thì thật sự còn rất khiêm tốn.

Xuất phát từ tình hình nghiên cứu như đã tổng thuật, nhiệm vụ của luận án trước tiên sẽ hệ thống lại lí thuyết thể loại trên tinh thần kế thừa và đối thoại. Tiếp đến là phác thảo diện mạo thơ văn xuôi Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay. Và cuối cùng là làm rõ những đặc trưng nổi bật của thơ văn xuôi Việt Nam.

Chương 2. NHỮNG TIỀN ĐỀ NGHIÊN CỨU THƠ VĂN XUÔI

2.1. Nhận diện thơ văn xuôi

2.1.1. Quan niệm thơ văn xuôi

Đồng nhất thơ văn xuôi với văn xuôi có chất thơ (những trích dẫn của ***Từ điển văn học Pháp***). Quan điểm này cho rằng các áng văn xuôi thi vị, đậm màu sắc tu từ chính là thơ văn xuôi. Thật ra giữa chúng có nhiều điểm chung, song một bên thuộc loại hình văn xuôi, một bên thuộc loại hình thơ nên không thể đồng nhất.

Đồng nhất thơ văn xuôi với thơ không vần (Baudelaire, ***Từ điển thuật ngữ văn học***, Nguyễn Trọng Tạo,..). Theo chúng tôi, thể thơ này không chú trọng vần, song cũng không từ chối nó triệt để. Vẫn có những thi phẩm mà ở đó B - T được hòa phối đăng đối, nhịp nhàng, hay vần lưng, vần chân vẫn xuất hiện tuy không xuyên suốt.

Thơ văn xuôi là thể thơ có hình thức không ngắt dòng. Tiêu biểu cho quan điểm này là bài viết ***What is a prose poem?,*** lời giới thiệu trong ***Thơ văn xuôi: Hợp tuyển quốc tế*** và tác giả M. H. Abrams khi nói về ***Paris u buồn*** của Baudelaire, ***Hoa đăng*** của Rimbaud. Theo chúng tôi, quan điểm này đã chỉ ra đặc điểm cốt lõi của tác phẩm thơ văn xuôi tiêu biểu. Song, thực tiễn sáng tác cho thấy thơ văn xuôi không chỉ gồm những bài được viết dưới hình thức không phân dòng.

Quan niệm của luận án về thơ văn xuôi*: là thể thơ trữ tình có cấu trúc câu giống như văn xuôi, câu thơ có xu hướng kéo dài hoặc tiếp nối nhau, tổ chức theo mô hình của văn bản văn xuôi, nhịp điệu không cố định, không chịu sự ràng buộc của bất kì hệ thống âm luật nào*.

Thơ văn xuôi xuất hiện ở hai dạng. Dạng *chuẩn*, là những bài thơ được trình bày dưới hình thức văn bản văn xuôi không phân dòng. Dạng *mở rộng,* đó là những bài thơ tự do có câu thơ kéo dài quá 11,12 âm tiết và những bài văn xuôi trữ tình giàu chất thơ, có dung lượng ngắn.

2.1.2.Vài tiêu chí nhận diện thơ văn xuôi

Theo chúng tôi, những hạt nhân thể loại đặc thù có thể xem là đặc điểm để nhận diện của thơ văn xuôi là những điểm nổi bật sau:

2.1.2.1. Tự do trong hình thức tổ chức bài thơ

Trước hết là tự do trong tổ chức câu thơ. Câu thơ văn xuôi không gò mình trong số lượng âm tiết qui định, cũng không ngắt dòng, không bận tâm việc gieo vần, phối thanh. Ở hình thức câu văn xuôi, nó gần như chỉ phụ thuộc vào cảm xúc, ý tưởng của người làm thơ.

Trong hình thức kết cấu bài thơ, nó xuất hiện thường xuyên ở dạng văn bản văn xuôi tự do, hay những đoạn văn xuôi kết hợp những đoạn thơ. Cũng có khi nó xuất hiện dưới dạng một tùy bút, một truyện ngắn, một vở kịch ngắn, một biên bản hay hình thức một lá thư,… Có thể nói, hình thức tổ chức văn bản của thể thơ văn xuôi hết sức phong phú, đa dạng, thật sự tự do.

2.1.2.2. Nội dung thi tứ đậm màu sắc trí tuệ

Thi tứ của thơ văn xuôi thường nổi bật với chiều sâu trí tuệ. Bởi hình thức linh hoạt của văn xuôi đã đưa thể thơ này vượt qua ranh giới qui phạm về vần điệu, âm luật của thơ. Để khắc sâu vào ấn tượng của người đọc, nó dựa vào thi tứ là chính. Nó phải mới lạ, độc đáo trong cấu tứ, phải có "*những liên hệ tư tưởng bất ngờ*", khả năng đặt ra những vấn

đề có sức ám ảnh lớn. Chất trí tuệ còn bộc lộ qua khả năng liên tưởng. Liên tưởng trong thơ văn xuôi thường hết sức dồi dào. Nhiều bài thơ văn xuôi với sự bay bổng, phóng khoáng của liên tưởng đã biến hiện thực nơi đó thành thế giới của cõi mơ, cõi siêu hình hay của miền suy tưởng.

2.1.2.3. Khuynh hướng giấu nhạc tính

Nhạc tính trong thơ được tạo lập từ: vần, nhịp, thanh, kể cả ngữ điệu cá nhân. Song, với thơ văn xuôi nó chỉ chú trọng đến nhịp điệu và thanh điệu. Tuy nhiên, nhịp điệu ở thơ văn xuôi cũng không dễ nhận diện bởi nó chủ yếu là nhịp cảm xúc, nhịp ý tưởng. Về thanh điệu, thơ văn xuôi vẫn coi việc phối thanh hài hòa là cần thiết. Song, nó cũng hòa phối tự do theo cảm xúc của tác giả chứ không theo luật bằng - trắc. Có thể nói, nhạc của thơ văn xuôi chủ yếu là thứ "*nhạc bên trong*", nhạc của tâm hồn. Chính vì vậy, khuynh hướng giấu nhạc tính cũng là đặc điểm nổi bật của thơ văn xuôi.

2.1.3. Thơ văn xuôi và các tương quan thể loại

2.1.3.1. Thơ văn xuôi trong tương quan với thể loại gốc - thơ và văn xuôi

Thơ văn xuôi khác với các thể thơ khác ở chỗ nó bứt ra khỏi những ràng buộc về vận luật, bài thơ không chia khổ, không phân dòng, không lấy hình thức dòng thơ làm đơn vị nhịp điệu, không chịu quy định về số từ trong một tiết tấu và số lượng tiết tấu trong một câu thơ. Thơ văn xuôi giống với văn xuôi ở việc sử dụng các kiểu cấu trúc tầng bậc, các loại câu mở rộng. Mặt khác, so với văn xuôi, nó còn có lợi thế về vần và nhịp điệu.

2.1.3.2. Thơ văn xuôi trong tương quan với các thể lân cận

Với văn xuôi trữ tình, thơ văn xuôi có nhiều điểm chung, song chúng vẫn thuộc hai loại hình. Do đó, đều chú trọng khai thác thế giới nội tâm nhưng với văn xuôi trữ tình cái xác thực vẫn còn là điểm tựa của những xúc cảm, suy tư. Trong khi ở thơ văn xuôi, bài thơ hầu như chỉ là những khám phá, thể hiện tâm tư, tình cảm của nhân vật trữ tình. Hay liên tưởng trong văn xuôi trữ tình dù cũng hết sức phong phú nhưng vẫn không bứt khỏi hình ảnh của thế giới thực còn liên tưởng trong thơ văn xuôi thì tự do, phóng túng, đậm tính chủ quan và vô cùng đa dạng. Thuộc loại hình văn xuôi nên mạch tổ chức, lập luận của văn xuôi trữ tình tương đối rõ, nội dung thường được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng chủ đề nhất định trong khi mạch vận động ở thơ văn xuôi

thường khó nắm bắt và nội dung cũng thường chứa đựng những hàm nghĩa biểu đạt không cố định.

Với thơ tự do, thơ văn xuôi được xem là "*đỉnh phát triển cao nhất*" của nó. Thơ tự do là thể thơ có thể co dãn rất linh hoạt, tùy vào nhu cầu bộc lộ cảm xúc của nhà thơ. Song, nó vẫn có phân dòng trong khi thơ văn xuôi, ngay cả hình thức này cũng bị tiêu hủy. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có những bài được cho là thơ văn xuôi lại xuất hiện ở dạng phân dòng. Ở những trường hợp này dòng thơ có số lượng âm tiết lớn. Vì sự mở rộng số âm tiết trong dòng thơ đã làm cho "*nhịp điệu của mạch thơ bị giãn ra, tiết tấu không rõ rệt, nhạc điệu thơ bị hòa tan trong nhịp điệu của câu văn xuôi"* [107; 376] nên cũng có thể xem nó có xu hướng trở thành thơ văn xuôi, dạng thơ văn xuôi mở rộng.

2.2. Những tiền đề hình thành của thơ văn xuôi Việt Nam

2.2.1. "Văn xuôi cổ" - những thể điệu trung gian là tiền đề tư duy của thể loại

Các nhà nghiên cứu Xuân Diệu, Hà Minh Đức, Nguyễn Đăng Điệp đều cho rằng thể văn xuôi cổ là nguồn gốc gần xa của thơ văn xuôi. Đây là giả thuyết khoa học có cơ sở. Bởi trong hệ thống hình thức và thể loại văn học dân tộc, những thể điệu trung gian giữa thơ và văn xuôi là khá nhiều (phú, văn tế,…). Do đó, sự xuất hiện của thơ văn xuôi không phải là đột biến. Ta có thể nghĩ đến nguồn gốc nội sinh của nó. Nói cách khác, văn xuôi cổ chính là tiền đề tư duy của thơ văn xuôi.

2.2.2. Sự xuất hiện của cái tôi cá nhân

Đầu thế kỉ XX văn học chuyển sang phạm trù hiện đại do sự tác động của nhiều yếu tố trong đó quan trọng nhất là sự ý thức sâu sắc về cái tôi cá nhân. Có thể khẳng định, ý thức cá nhân có ý nghĩa lớn lao trong đời sống văn hóa dân tộc vì sự thức tỉnh của nó luôn đi đôi với việc giải phóng mạnh mẽ những năng lượng cá nhân trong đó có năng lượng sáng tạo. Văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX đã ghi nhận những thành tựu nổi bật mà khuynh hướng của nó là bênh vực tự do cá nhân, khẳng định cái tôi một cách quyết liệt trên cả hai phương diện nội dung và hình thức biểu hiện. Tình hình đó thực sự đã khuyến khích sự phát triển của các thể loại có tính tự do, in đậm dấu ấn chủ thể sáng tạo, trong đó tất nhiên có thể loại thơ văn xuôi.

2.2.3. Sự phát triển của những thể loại mới

Trong khoảng thời gian không đầy nửa thế kỉ, văn học Việt Nam đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thể loại. Và các thể loại đã tồn tại ở trạng thái có sự xâm nhập, tương tác lẫn nhau. Điều này, một mặt là động lực cho sự tiến hóa của văn học, mặt khác làm cho mỗi thể loại trở nên phong phú hơn, khả năng nghệ thuật được mở rộng hơn khi có thể tiếp thu kinh nghiệm những thể loại khác Thơ văn xuôi, một thể trung gian giữa thơ và văn xuôi chắc chắn không thể hình thành ngoài bối cảnh ấy.

Ngoài ra thơ ca Pháp cũng là nguồn ảnh hưởng lớn. Theo Nguyễn Văn Dân, thơ văn xuôi xâm nhập vào Thơ mới từ con đường thơ tượng trưng, thơ siêu thực Pháp [30].

2.3. Khái lược về ba hệ hình thơ ca

3.1.1. Nhìn lại tình hình nghiên cứu hệ hình ở Việt Nam

Paradigm được chuyển dịch qua tiếng Việt là hệ hình. Nó vốn là thuật ngữ được dùng trong ngữ học cấu trúc của F. Sausssure, chỉ sự biến đổi của các vĩ tố của một từ qua những cách sử dụng khác nhau, đã "du hành" sang lĩnh vực triết học rồi trở thành một lí thuyết, một phương pháp nghiên cứu từ lĩnh vực khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội. Ở Việt Nam tiếp cận hệ hình với tư cách một lí thuyết, một phương pháp là Đỗ Lai Thúy. Qua các công trình nghiên cứu của ông, nhiều vấn đề của hệ hình đã được đề cập như tiêu chí phân loại hay việc mô hình hóa ba hệ hình ở các thể loại,…

3.1.2. Tiêu chí xác định hệ hình

Theo các nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thúy, Hoàng Ngọc Tuấn, Đào Tuấn Ảnh đó là quan niệm về thực tại hay quan niệm về thực tại và con người. Chúng tôi cũng phân định ba hệ hình thơ ca tiền hiện đại (chủ nghĩa), hiện đại chủ nghĩa và hậu hiện đại chủ nghĩa trên cơ sở là *quan niệm thực tại*.

3.1.3. Đặc điểm ba hệ hình thơ ca

3.1.3.1. Đặc điểm hệ hình thơ ca tiền hiện đại (chủ nghĩa)

Quan niệm thế giới là thế giới khách quan, ý thức con người là công cụ phản ánh thế giới đã dẫn đến việc coi những sáng tạo tinh thần trong đó có văn chương chỉ là để phản ánh, tái hiện hiện thực mà hiện thực đối với thơ ca là hiện thực tâm trạng, là tình cảm nên thơ ca hệ hình này là kiểu *thơ truyền cảm,* kiểu thơ lấy thế giới cảm xúc của tác giả làm trung tâm phát thông điệp và bài thơ có vai trò truyền tải bức thông điệp

ấy đến với người đọc. Để kênh dẫn truyền thông suốt, tư duy thơ thuộc hệ hình này là *tư duy liên tục*, cả bài thơ là một kết cấu tuần tự, rõ ràng, đảm bảo sao cho đọc bài thơ, người đọc có thể hiểu được tâm hồn tình cảm của chủ thể. Cái tôi trữ tình thuộc hệ hình thơ này là *cái tôi bản ngã*. Một cái tôi lúc nào cũng đề cao tự do cá nhân, tự do hòa hợp tình cảm với thiên nhiên, tô màu ngoại giới theo cảm xúc, tưởng tượng của nó.

3.1.3.2. Đặc điểm hệ hình thơ ca hiện đại chủ nghĩa

Đối với con người hiện đại, hiện thực đối với họ không chỉ là những gì đã biết mà còn là ẩn số của những gì chưa biết, chưa thể khám phá. Chối bỏ cái thực tại giản đơn, người nghệ sĩ muốn "*tìm kiếm một thực tại thuần khiết và cao cả*" hơn. Tác phẩm văn chương giờ đây không còn làm nhiệm vụ mô phỏng hiện thực, mà là khám phá hiện thực ở chiều sâu. Trong thơ ca, từ loại *thơ truyền cảm* giờ là *thơ gợi cảm* - loại thơ không phơi bày cảm xúc một cách lộ liễu mà từ hình ảnh, ngôn từ hay nhạc điệu, gợi ở người đọc một cảm giác hay một ấn tượng nào đó. Trung tâm chú ý của nó là văn bản, là ngôn ngữ. Tư duy thơ cũng không còn là tư duy liên tục mà là *đứt đoạn*. Cơ sở của kiểu tư duy này chính là cái nhìn về một thực tại vỡ vụn, là tinh thần hoài nghi đối với chủ nghĩa duy lí. Cái tôi tôi trữ tình ở thơ hiện đại là *cái tôi đa ngã*. "Đa" trong nghĩa là nhiều. Nó là cái tôi có nhiều cái tôi nhỏ trong nó. Cái tôi này là sản phẩm của xã hội hiện đại.

3.1.3.3. Đặc điểm hệ hình thơ ca hậu hiện đại chủ nghĩa

Hậu hiện đại cũng nhìn thế giới là những gì hỗn độn, vỡ vụn như hiện đại, song nếu hiện đại khóc than, đi tìm kiếm một sự gắn kết, một sự hài hòa thì với với hậu hiện đại mọi nỗ lực đó *"đều vô ích và không thực hiện được*". Với hậu hiện đại "*chỉ có tính mảnh đoạn, tính chiết trung là xác thực*". Tinh thần này thể hiện rất rõ trong thơ ca: Thơ hậu hiện đại nổi bật ở sự dung nhận, tính lai ghép, chiết trung. Do đó, xét từ kiểu thơ, kiểu tư duy thì có thể nói, thơ hậu hiện đại *vừa là thơ truyền cảm vừa là thơ gợi cảm*, *vừa là tư duy liên tục vừa là tư duy đứt đoạn*. Riêng ở cái tôi trữ tình, nó là *cái tôi vô ngã. Vô* ở đây không hiểu theo nghĩa là hư vô của phương Tây mà theo khái niệm của nhà Phật. Nó có tất cả nhưng tất cả đều tồn tại ở dạng khả năng, ứng với từng trường hợp cụ thể nó sẽ thể hiện cái tôi cụ thể. Kiểu cái tôi này tương ứng với thực tại phân mảnh trong quan niệm về thực tại của con người hậu hiện đại.

Chương 3
BA HỆ HÌNH THƠ VĂN XUÔI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

3.1. Thơ văn xuôi Việt Nam tiền hiện đại (chủ nghĩa)

3.1.1. Nhìn chung về thơ văn xuôi Việt Nam tiền hiện đại (chủ nghĩa)

Thuộc hệ hình thơ văn xuôi tiền hiện đại là những thể nghiệm từ thời Thơ mới kéo dài cho đến ngày nay. Đó là những sáng tác của Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên (thời chống Mỹ), Nguyên Sa, Nguyễn Văn Ngăn, Thu Bồn, Lê Minh Quốc,… Hình thành và phát triển trải dài gần một thế kỉ, thơ văn xuôi hệ hình này đã truyền tải một cách đầy đặn những tư tưởng, tình cảm của con người thời hiện đại với những tâm tư, khát vọng, những vui buồn, hạnh phúc hay những suy tư, chiêm nghiệm về thân phận, về cuộc đời,… Bên cạnh đó nó còn hướng về tình yêu quê hương đất nước hay tình đồng đội,…

3.1.2. Thơ văn xuôi tiền hiện đại (chủ nghĩa) nhìn từ phương diện cái tôi trữ tình

3.1.2.1. Cái tôi tràn đầy cảm xúc, trực tiếp giải bày

Tiêu biểu cho cái tôi này là thơ văn xuôi của Xuân Diệu và Nguyên Sa. Mười bài thơ văn xuôi trong tập ***Trường ca*** là sự nối dài, mở rộng những ý tưởng chủ đạo trong sáng tác trước đó của ông. Cái tôi trữ tình trong mảng sáng tác này vẫn là cái tôi nồng nàn mê đắm, cái tôi phô diễn đến tận cùng những dòng cảm xúc tràn bờ trước cái đẹp của thiên nhiên, trời đất hay vẻ đẹp của con người, trước niềm hạnh phúc đê mê hay nỗi tiếc thương sầu não.

Ở thơ văn xuôi Nguyên Sa, bài thơ cứ như lời độc thoại và *em* là hình ảnh để chủ thể trong vai trò người tình bộc lộ những cảm xúc, suy tư về tình yêu, qua đó là về thân phận, về thời cuộc. Mỗi bài thơ là những dòng cảm xúc, suy tư lặng chảy triền miên. Cách bộc lộ, tỏ bày tình yêu của cái tôi trữ tình ở đây mặc dù có nhuốm màu sắc hiện sinh song vẫn say sưa, bồng bột, vẫn hết sức "thành thật", nó thiết tha trong mơ mộng, lúc nào cũng chìm đắm, phiêu diêu trong thế giới mộng ảo.

3.1.2.2. Cái tôi duy lí, biện lí đậm màu cá tính

Đại diện tiêu biểu nhất cho cái tôi này là thơ văn xuôi Chế Lan Viên (giai đoạn chống Mỹ). Cái tôi trữ tình trong thơ văn xuôi Chế Lan Viên ở đây là cái tôi sử thi chứ không phải cái tôi cá nhân cá thể. Tuy nhiên, dù mang đậm tinh thần thời đại song bằng sự sắc sảo của trí tuệ,

bằng độ sâu lắng của cảm xúc, suy tư nên nó vẫn là tiếng thơ mang đậm phong cách cá nhân.

Chất duy lí trong thơ văn xuôi Chế Lan Viên không chỉ hằn đậm ở nội dung cảm hứng, ở chiều sâu của những suy tư mà còn thể hiện rõ ở cách xây dựng bố cục thi phẩm, cách lập luận sắc sảo,... Thơ văn xuôi của ông cũng xuất hiện rất nhiều những từ đệm, từ phụ, từ quan hệ, ,… loại từ ngữ làm cho lập luận của bài thơ trở nên khúc chiết, mạch lạc, thể hiện rõ kiểu tư duy duy lí hay cái tôi duy lí.

3.1.3. Thơ văn xuôi tiền hiện đại (chủ nghĩa) nhìn từ kiểu tư duy

3.1.3.1. Chặt chẽ, mạch lạc trong tổ chức văn bản

Chặt chẽ, mạch lạc trong xây dựng hình tượng thơ

Hình tượng trong thơ văn xuôi tiền hiện đại được xây dựng một cách chặt chẽ: đơn tuyến và vận động một cách tuần tự. Cũng có thể xuất hiện những liên kết tự do, liên tưởng bất ngờ song mạch thơ luôn phát triển phù hợp với qui luật bên trong của cảm xúc, phù hợp với diễn biến khách quan của hoàn cảnh. Và thế mạnh của thơ văn xuôi ở đây là cấu trúc câu nghiêng về văn xuôi nên có thể mở rộng thành phần một cách tối đa hay kéo dài bài thơ theo trường liên tưởng, suy tưởng của tác giả. Chính vì vậy, hình tượng trong thơ văn xuôi thường xuất hiện đầy đặn, giàu tính tạo hình, giàu sức thuyết phục.

Chặt chẽ, mạch lạc trong tổ chức ngôn ngữ

Trước hết, đó phải là thứ ngôn ngữ trong sáng rõ nghĩa, biểu hiện trực tiếp tư tưởng, tình cảm của nhà thơ. Song, với chức năng là miêu tả khách thể cũng như trình bày cảm xúc một cách trực tiếp, nó còn phải là loại ngôn ngữ giàu hình ảnh, màu sắc, giàu tính biểu cảm. Bên cạnh đó, nó cũng sử dụng thường xuyên loại từ nối, từ đệm, từ lập luận,… để dẫn dắt ý thơ, nối kết các vế câu, lí giải các mối quan hệ rành mạch, khúc chiết, đảm bảo tính logic cho những phát ngôn thơ.

3.2. Thơ văn xuôi Việt Nam hiện đại (chủ nghĩa)

3.2.1. Nhìn chung về thơ văn xuôi Việt Nam hiện đại (chủ nghĩa)

Thơ văn xuôi Việt Nam hiện đại xuất hiện từ hậu kì Thơ mới và kéo dài đến hiện nay. Đó là những "dòng tâm tư bất định" đi cùng thứ ngôn ngữ gợi cảm, giàu tính biểu tượng và tư duy đứt đoạn của thơ văn xuôi Hàn Mặc Tử, Phạm Văn Hạnh**,** Nguyễn Xuân Sanh,... Là tiếng nói của một thế hệ hoang mang, bế tắc trước cuộc chiến tranh với tâm thức

thường trực là cảm giác trống rỗng, là nỗi bất an, tuyệt vọng trong thơ miền Nam mà tiêu biểu là Mai Trung Tĩnh, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Duy Thanh,… Sau Đổi mới 1986, thơ văn xuôi hiện đại ghi dấu ấn ở sáng tác của Thanh Thảo, Hoàng Hưng, Đặng Đình Hưng, Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn,… Thơ văn xuôi hiện đại giai đoạn này đã có những cách tân mạnh mẽ từ nội dung đến hình thức thể hiện. Bằng mỹ học truyền thống, sẽ thật sự khó khăn khi đến với kiểu thơ hiện đại này.

3.2.2. Thơ văn xuôi Việt Nam hiện đại (chủ nghĩa) nhìn từ phương diện cái tôi trữ tình

3.2.2.1. Cái tôi bất an, hoài nghi

Đại diện kiểu cái tôi này ở miền Nam là Mai Trung Tĩnh, cây bút sáng tác thơ văn xuôi với số lượng nhiều nhất và cũng bộc lộ xuyên suốt nhất cảm thức này. Thơ văn xuôi Mai Trung Tĩnh, dù viết cho mình, cho tình yêu hay cho quê hương thì tất cả đều hằn nổi một cái tôi đầy suy nghiệm, ưu tư, một cái tôi lúc nào cũng dằn vặt bởi niềm cô đơn khắc khoải. Cái tôi ấy luôn sống với tâm thức thường trực là *thảng thốt, hãi hùng, bơ vơ lưu lạc*, là *chán chường, mệt mỏi, bàng hoàng, vô vọng*, *âu lo* ,... Cảm thức ấy không chỉ được trưng ra qua câu, từ trực tiếp mà nó còn ẩn chứa qua những hình ảnh thơ đầy ám gợi. Có thể nói, cái tôi trong thơ Mai Trung Tĩnh luôn bị vây bủa trong sự bất lực, trong nỗi bất an. Sự bất lực đồng hành với nỗi bất an về thân phận con người.

Đại diện thứ hai là cái tôi trong thơ văn xuôi Nguyễn Quang Thiều. Nếu cái tôi bất an trong thơ Mai Trung Tĩnh bị chi phối bởi hoàn cảnh chiến tranh, đặc biệt là ảnh hưởng từ triết học hiện sinh thì cái tôi bất an, hoài nghi trong thơ Nguyễn Quang Thiều xuất phát từ chính đời sống đương đại. Trước hết là sự bất an, hoang mang về môi trường sống, dù đó là không gian đô thị hay chốn làng quê. Và sự bất an còn ám ảnh hơn khi tác giả hướng về những phận người, nhất là những người đàn bà thôn quê. Trong thơ ông, họ chính là biểu tượng của nỗi đau, sự tủi nhục, bần cùng. Trong cái nhìn thương cảm hay trong nỗi bất an tiền định, Nguyễn Quang Thiều đã nói về đối tượng này một cách đầy ám ảnh.

3.2.2.2. Cái tôi "vô thức"

Là cái tôi của sự hội nhập, đan cài giữa ý thức và vô thức, vô thức của sáng tạo và ý thức khi quá trình vô thức đã hoàn thành hòng sắp đặt lại trình tự nghệ thuật thi phẩm. Biểu hiện của cái tôi này là thơ đi

vào thể hiện những rung động hay cảm giác hết sức mơ hồ như vừa chụp bắt được từ trực giác. Hay kiểu cái tôi vục vào cõi thẳm sâu của vô thức, đi vào những ẩn ức tâm lí, những chấn thương tinh thần đầy ám ảnh. Hoặc vục sâu vào cõi vô thức, vực dậy ẩn ức bản năng tính dục, đưa đến kiểu *cái tôi đậm tính nhục thể*. Đại diện cho kiểu cái tôi vô thức này là thơ văn xuôi của Đặng Đình Hưng, Hoàng Hưng, Mai Văn Phấn, Vi Thùy Linh, Phạm Thị Ngọc Liên, Luynh Bacardi (Nhóm Ngựa trời),...

3.2.2.3. Cái tôi tự phủ định

Là cái tôi luôn trực diện với chính mình, không ngừng phân tích, mổ xẻ mình. Từng mảnh "tôi" như được tháo dỡ để soi ngắm hay soi rọi nhau, đi đến phủ định nhau. Song, phủ định là để trở về với bản thể mình, để làm mới mình. Biểu hiện kiểu cái tôi này đậm nhất ở thơ Thanh Tâm Tuyền. Cái tôi trong những bài thơ văn xuôi của tác giả này thường quay cuồng trong những xung khắc, vật vã. Nó cứ ráo riết truy tìm mình, truy tìm bản thể. Song, lần đối mặt nào cũng chỉ đem đến cho nó sự cảm nhận cay đắng. Hay cái tôi bất an hoài nghi trong thơ Mai Trung Tĩnh khi đi đến tận cùng cũng đã chạm vào cái tôi tự phủ định này.

3.2.3. Thơ văn xuôi Việt Nam hiện đại (chủ nghĩa) nhìn từ kiểu tư duy

3.2.3.1. Tư duy đứt đoạn qua mạch vận động của hình tượng thơ

Do quan niệm chức năng thơ phải hướng đến thể hiện cái "*hiện thực thứ hai*" huyền nhiệm, ẩn giấu sau hiện thực tri giác được nên mạch vận động của hình tượng thơ trên bề nổi văn bản thường rất khó xác định bởi những chi tiết, hình ảnh xuất hiện một cách rời rạc, hỗn loạn, với những liên tưởng tưởng chừng như tùy tiện. Đó là kiểu hình tượng trong nhiều thi phẩm thơ văn xuôi hiện đại của các tác giả Hàn Mặc Tử, Phạm Văn Hạnh, Đặng Đình Hưng, Hoàng Hưng, Mai Văn Phấn,…

3.2.3.2. Tư duy đứt đoạn qua liên kết ngôn từ

Ngôn ngữ thơ văn xuôi hiện đại thường xuất hiện với những chuỗi từ rời rạc, lỏng lẻo về mặt ngữ pháp và như vô nghĩa hay thật sự khó hiểu theo cách hiểu thông thường. Hoặc khi có sự liên kết bình thường thì nó được trình bày một cách khác thường: viết phi chính tả hay đục những khoảng rỗng,... Phải chăng để tương ứng với một hiện thực rời rạc, vỡ vụn, ngôn ngữ phản ánh nó cũng rời rạc, vỡ vụn? Bên cạnh đó là kiểu ngôn từ xuất hiện như dòng chảy của vô thức: dấp dính, đan bện vào nhau, chỉ là những chuỗi hỗn độn. Ngôn ngữ tổ chức theo dạng này có

thể giúp nhà thơ thâm nhập vào tận vùng sâu thẳm của tâm linh, chạm tới những vùng cảm xúc, cảm giác mông lung, mơ hồ. Song, để thấu cảm được nó là không dễ.

3.3. Thơ văn xuôi Việt Nam hậu hiện đại (chủ nghĩa)

3.3.1. Nhìn chung về thơ văn xuôi Việt Nam hậu hiện đại (chủ nghĩa)

Thơ văn xuôi Việt Nam hậu hiện đại bắt đầu với Bùi Giáng. Sau Bùi Giáng phải đến hậu kì Đổi mới, nó mới được tiếp nối. Song, nếu Bùi Giáng chỉ là bông lơn, dí dỏm thì với những cây bút như Đặng Thân, Bùi Chát, Khương Hà Bùi, Lynh Bacardi,… đã là giễu nhại, gây hấn trực tiếp. Họ bê vào thơ từ phương ngữ, từ tục, tiếng lóng,... Giải trung tâm quan niệm về chất liệu nên họ cũng thản nhiên mang vào "ngôi đền thiêng" những "hầm bà lằng" đến mức tạo cho người đọc ấn tượng thơ hậu hiện đại là "vô văn hóa"[19]. Bên cạnh những sáng tác đậm tính giễu nhại, thì một số sáng tác của Mai Văn Phấn, Nguyễn Quang Thiều,… từ những mảnh ghép phi lí của thực tại trong thơ họ, ta thấy được những phận người trong guồng quay hỗn độn đầy những bất trắc, khắc nghiệt của cuộc sống hay sự lựa chọn thích ứng với thực tại ấy một cách nhẹ nhàng như thơ của Nguyễn Thế Hoàng Linh.

3.3.2. *Thơ văn xuôi hậu hiện đại (chủ nghĩa) nhìn từ phương diện cái tôi trữ tình*

Ứng với cái nhìn về một thực tại phân mảnh là *cái tôi vô ngã*. Biểu hiện trước hết của *cái tôi vô ngã* là *cái tôi tương đối*- tương đối với cái chung song có giá trị tự thân, độc lập trong trường hợp cụ thể. Biểu hiện thứ hai của cái tôi này là *cái tôi ngoại hiện* - kiểu cái tôi không có chiều sâu, chỉ đáp ứng ngay trong trường hợp của nó hoặc nếu có chiều sâu thì chiều sâu ấy cũng nằm ngay trên bề mặt. Và nếu biểu hiện đặc trưng của *cái tôi vô ngã* là *cái tôi tương đối* và *cái tôi ngoại hiện* thì trong thơ văn xuôi hậu hiện đại hai kiểu cái tôi này thể hiện rõ nhất trong hình tượng *cái tôi bông lơn, giễu nhại*. Đó là phần bản ngã đậm nhất của một số nhà thơ hậu hiện đại ứng với một thực tại mà trong cảm quan của họ đã là "*một thế giới hỗn độn, vô nghĩa, bất khả nhận thức*". Bùi Giáng trong sự hoang mang, khủng hoảng, đã tìm đến thơ ca và đã để lại trong thơ văn xuôi sớm nhất kiểu cái tôi bông lơn, dí dỏm này. Còn *cái tôi giễu nhại* thì hướng đến nhiều vấn đề, nhiều đối tượng, đặc biệt nhất là hướng vào cái xã hội tiêu dùng. Giễu nhại gắn liền với giải thiêng, giải trung

tâm và ở đây nó có vai trò quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng của thời đại, thời đại phi trung tâm hóa.

3.3.3. ***Thơ văn xuôi hậu hiện đại (chủ nghĩa) nhìn từ phương diện tư duy***

3.3.3.1. Tư duy vừa liên tục vừa đứt đoạn qua hình tượng thơ

Nếu hình tượng trong thơ văn xuôi tiền hiện đại được xây dựng một cách liền mạch, nhất quán, trong thơ hiện đại là những rời rạc, đứt đoạn thì với đặc tính chiết trung, thơ văn xuôi hậu hiện đại bao chứa cả hai dạng: vừa liền mạch vừa đứt đoạn. Không hiếm những bài thơ có kiểu xây dựng hình tượng tập trung, nhất quán như ***mùa hà nội đông*** của Nguyễn Thế Hoàng Linh, cũng không hiếm những bài thơ được tạo dựng từ những mảnh ghép tán loạn, chồng chéo như bung tỏa từ dòng vô thức hay từ những hình ảnh hỗn độn, đa sắc màu của chính cuộc sống như trong **Chiêm bao** của Bùi Giáng, **[*tô lịch] không có jòi (nhờ bác james joyce*)** của Đặng Thân,...

3.3.3.2. Tư duy vừa liên tục vừa đứt đoạn qua nhịp điệu

Nhịp điệu trong thơ văn xuôi nghiêng về phía nhịp hình ảnh, nhịp cảm xúc. Do đó, với thơ văn xuôi tiền hiện đại nhịp điệu còn khá trơn tru bởi hình ảnh thơ ở đây có sự nhất quán và cảm xúc thì liền mạch. Đến thơ văn xuôi hiện đại, hình ảnh xuất hiện thường rời rạc, cảm xúc thì đứt đoạn, nhịp điệu thơ theo đó cũng trở nên đứt nối liên tục. Thơ văn xuôi hậu hiện đại tồn tại cả hai dạng nhịp điệu này biểu hiện ở những bài thơ có sự tập trung hướng về hình ảnh lớn hay những bài thơ có hình ảnh nằm tản mát, rời rạc. Tuy nhiên, cũng có những bài với hình thức "đầu Ngô mình Sở", tổ chức lời thơ thay đổi đột ngột nên nhịp điệu ở đó cũng thay đổi liên tục và kiểu nhịp điệu vừa liên tục vừa đứt đoạn trong trường hợp này thể hiện ngay ở một bài thơ.

Chương 4
NHỮNG PHƯƠNG THỨC NGHỆ THUẬT CỦA THƠ VĂN XUÔI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

4.1. Kết cấu văn bản thơ văn xuôi

4.1.1. Kết cấu theo sự vận động liền mạch của dòng cảm xúc, liên tưởng

Đây là kiểu tổ chức văn bản thơ với sự đề cao tính lớp lang, trật tự trong việc bộc lộ cảm xúc, tư tưởng, tất cả phải được sắp xếp một cách tuần tự, phải có sự dẫn dắt mạch lạc.

Kết cấu theo mạch cảm xúc - liên tưởng

Là kiểu kết cấu mà ở đó các đơn vị hình tượng, cảm xúc được bố trí theo sự vận động và phát triển của cảm xúc tác giả mà cảm xúc này được gợi dẫn từ những liên tưởng có thể tương đồng hay đối lập. Theo sự tổ chức này thì tư tưởng, tình cảm của bài thơ được thể hiện qua một chuỗi những chi tiết, hình ảnh được sắp xếp theo trật tự tuyến tính và trường liên tưởng cụ thể. Với dạng liên tưởng tương đồng thì nó có thế mạnh trong việc thể hiện những cảm xúc dạt dào, đa cung bậc, nhiều màu sắc. Ngược lại, với liên tưởng đối lập, thường nghiêng về suy tưởng nên cảm xúc thơ được khơi sâu, lắng đọng hơn.

Kết cấu trùng điệp

Là kiểu kết cấu mà ở đó các đơn vị hình tượng, cảm xúc trong bài thơ được sắp xếp thành những chi tiết, lớp lang trùng phức lên nhau làm cho ý nghĩa biểu hiện của các đơn vị hình tượng, cảm xúc đó mỗi lúc càng được gia tăng. Đây là dạng kết cấu có thể nói là đặc trưng nhất của thơ văn xuôi tiền hiện đại và hiện đại. Kết cấu trùng điệp với sự lặp lại từ hình thức biểu hiện cho đến cách triển khai ý nghĩa đã tạo được sự hòa phối, cộng hưởng của hàng loạt những âm thanh, tạo tính liên hoàn tầng tầng lớp lớp ở bài thơ. Điều đó phù hợp để diễn tả những cảm xúc cuộn trào, sôi nổi cũng như những lập luận chặt chẽ để diễn đạt những suy nghĩ, những nhận thức phức tạp về cuộc sống.

4.1.2. Kết cấu theo sự vận động bất định của dòng ý thức

Có thể hiểu đây là kiểu tổ chức văn bản nương theo dòng ý thức, dòng tâm tư bất định. Ở đó tư tưởng, cảm xúc, liên tưởng xuất hiện bất chợt, lấn át nhau, đan bện nhau một cách phi logic.

Kết cấu theo dòng tâm tư bất định

Kiểu tổ chức này đã xuất hiện ngay ở thời kì đầu của thơ văn xuôi hiện đại. Trong ***Chơi giữa mùa trăng*** của Hàn Mặc Tử, hình tượng thơ đã được kiến tạo theo cảm giác tâm linh. Thơ văn xuôi của Phạm Văn Hạnh ở thời kì này cũng là những dòng thơ trôi chảy tự do, ngẫu hứng trong hồi tưởng, liên tưởng của thi nhân. Đến ***Vẻ buồn của tình yêu*** của Tô Thùy Yên thì bài thơ đã là dòng tự sự đầy tính đứt đoạn với những rẽ ngoặc bất ngờ, liên tục, chuyện nọ xọ chuyện kia. Tổ chức bài thơ ở dạng dễ dàng cho việc thăm dò, khai phá tầng sâu vô thức của con người.

Kết cấu giấc mơ

Bài thơ có kết cấu giấc mơ là ở đó tác giả đã tạo dựng bầu không khí chập chờn, mờ nhòe, đầy ảo giác. Con người ở đó có những hành vi bất thường, ý nghĩ dị thường. Liên tưởng, cảm giác đứt mạch liên tục, ảo giác, ảo ảnh đột hiện. Bài thơ còn xuất hiện những biểu tượng, ẩn dụ trong sự xáo trộn nhập nhèm do chấn thương, ẩn ức tâm lí,... Có thể nói, bất định, đứt đoạn, thực ảo mờ nhòe là đặc trưng nổi bật của kiểu kết cấu này.

4.1.3. Kết cấu dán ghép

4.1.3.1. Dán ghép kiểu tranh lập thể

Đó là những bài thơ mà ở đó câu, chữ, hình ảnh tồn tại độc lập hay nhìn có vẻ độc lập. Đối tượng được lật trở liên tục, phối ứng với những đường nét, màu sắc, hình khối. Mỗi hình ảnh là đối tượng ở thời gian khác, không gian khác, điểm nhìn khác, là một lớp cảnh khác. Giữa các lớp cảnh này không có cảnh nào quan trọng hơn cảnh nào. Chúng đồng hiện cùng nhau, tồn tại bên nhau nhưng khó tìm thấy sự liên hệ nào với nhau nếu tiếp cận bằng cảm quan hai chiều cụ thể. Đây là kiểu kết cấu có khả năng dung nạp tối đa các mảng hiện thực đời sống và hiện thực tâm linh con người bởi nó gần như gạt bỏ hết những yếu tố hình thức bên ngoài từ cú pháp, vần điệu, niêm luật,…của thơ.

4.1.3.2. Dán ghép cơ học

Dạng kết cấu này được hiểu theo nghĩa là các văn bản khác nhau được ghép với nhau tạo nên một văn bản mới bất chấp có cùng loại hay không. Cách cấu tạo văn bản theo kiểu này thường nhằm mục đích giễu nhại hay bày tỏ một thái độ thơ.

Thơ hiện đại và hậu hiện đại là thơ của cái nhìn về một hiện thực vỡ vụn, do đó kết cấu theo kiểu dán ghép là khá phổ biến. Song, nếu hiện đại nghiêng về dán ghép tranh lập thể - loại kết cấu thể hiện cái nhìn hiện thực từ bên trong, từ chiều sâu thì ở hậu hiện đại lại nghiêng về kiểu dán ghép cơ học - cắt dán, lắp ghép ngay ở bề mặt văn bản. Một số cây bút như Bùi Chát, Lý Đợi, Đặng Thân, Nguyễn Thúy Hằng,… nổi bật với việc tạo lập tác phẩm ở dạng thức này.

4.2. Ngôn ngữ thơ văn xuôi

4.2.1. Đặc điểm chung của ngôn ngữ thơ văn xuôi

Ngôn ngữ tự lấy mình làm đối tượng

Trong bài viết ***Thơ là gì***, Jakobson cho rằng, từ ngữ trong thơ không đơn thuần là những kí hiệu dùng để gọi tên hay bày tỏ sự vật bên

ngoài mà nó là một thứ *ngôn ngữ tự trị* tức nó có giá trị tự thân trước khi buộc phải thực hiện chức năng công cụ. Do đó, ngôn ngữ thơ vừa là nội dung cũng vừa là hình thức. Nó là sự giao cảm tuyệt vời giữa âm thanh và ý nghĩa. Ngôn ngữ trong thơ văn xuôi của của Đinh Hùng, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Xuân Sanh, Nguyên Sa, Mai Trung Tĩnh,… thể hiện rõ đặc điểm này.

4.2.1.2. Ngôn ngữ của nguyên lí tương đương

Thơ ca là nơi "*Ngôn ngữ tự lấy mình làm cứu cánh*" nên nhà thơ có thể tư duy và tổ chức ngôn ngữ theo một cách thức riêng. Và theo Jakobson đó chính là sự kết hợp ngôn ngữ trên cơ sở tương đương. Nguyên lí này được thể hiện ở mọi cấp độ của ngôn ngữ và thơ văn xuôi dù có hình thức trình bày như văn xuôi nhưng nó cũng thể hiện rất rõ đặc điểm này.

4.2.2. Ngôn ngữ thơ văn xuôi - gia tăng tính tạo hình và mở rộng dạng thức kết hợp

Gia tăng tính tạo hình

Sự kết hợp giữa thơ và văn xuôi đưa đến ngôn ngữ thơ văn xuôi mang tính tự sự cao mà biểu hiện cụ thể là sự xuất hiện ở tần số cao của thứ ngôn ngữ tạo hình. Khai thác tính tạo hình của ngôn ngữ, giăng mắc tâm tưởng của người đọc bằng chính những đường nét, hình ảnh sống động của đối tượng được coi như một cách bù đắp cho những "khiếm khuyết" về mặt hình thức âm thanh của thể thơ này.

Tính tạo hình của ngôn ngữ thơ văn xuôi tiền hiện đại nghiêng về dạng "vẽ tranh" hiện thực. Đó là dạng *hình ảnh thiên về thị giác, về sự cảm nhận cụ thể*. Ngôn ngữ thơ văn xuôi của hệ hình này là thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh, màu sắc, thường kết hợp với những biện pháp nhân hóa, so sánh, những liên tưởng sống động. Quan niệm thế giới là thế giới khách quan, con người có thể thấu tỏ mọi điều ở đó và thơ ca là sự mô phỏng, phản ánh nó đã dẫn đến cách khai thác ngôn ngữ theo dạng này.

Ngược lại, với con người hiện đại, cái thế giới mà con người nhìn thấy trước kia, chỉ là một phần, đàng sau nó mới là điều cần được khám phá. Và thơ ca phải làm nhiệm vụ khám phá ấy. Do đó, hình ảnh trong thơ thuộc hệ hình này không còn hiển lộ rõ nét. Nó đã là hình ảnh của một chiều kích khác – chiều tâm linh, siêu thực. Tạo hình trong thơ văn xuôi hiện đại, do vậy, thiên về biểu tượng.

Với hệ hình sáng tác hậu hiện đại, tính chiết trung đã cho phép nó tái sử dụng những gì sẵn có trong kho tàng văn chương nhân loại để sáng tác, tất nhiên trong đó có ngôn ngữ. Tuy nhiên, nói như Hoàng Ngọc Tuấn: "*hậu hiện đại không thể hoàn toàn quay về thứ ngôn ngữ và cách kể chuyện theo tuyến tính của tiền hiện đại vì nó không còn thích nghi với thế giới của "hiện thực thậm phồn"đương đại",* cũng như *"Trước "hiện thực thậm phồn" họ phải đẩy những kỹ thuật hiện đại đi xa hơn*" [188].

Mở rộng dạng thức kết hợp

Jakobson đã từng đưa ra mô hình cấu trúc câu thơ dựa trên sự qui chiếu của trục lựa chọn lên trục kết hợp. Với thơ văn xuôi, thế mạnh của nó không phải ở từng chữ, từng câu đơn lẻ mà ở sự *phối hợp tổng thể*, ở *tính toàn khối* theo mạch cảm xúc của nó. Do đó, lựa chọn không phải là sở trường của ngôn ngữ thơ văn xuôi mà ngược lại kết hợp mới là thế mạnh của thể thơ này. Với thơ văn xuôi tiền hiện đại, mở rộng các dạng thức kết hợp thể hiện nổi bật ở việc sử dụng thường xuyên quan hệ từ hay loại từ lập luận. Lớp từ này đã trợ giúp đắc lực việc biểu hiện các sắc thái cảm xúc, các trạng huống suy tư của chủ thể. Đặc biệt, chính nó làm cho lý lẽ, lập luận trong thơ trở nên khúc chiết, biểu hiện rõ kiểu tư duy tuyến tính hay mô hình **Nghĩa -> Chữ**.

Với thơ văn xuôi hiện đại, vấn đề trọng tâm của nó không phải là tạo nghĩa mà là tạo chữ, không phải truyền cảm mà là gợi cảm. Do đó, nó chủ yếu tập trung vào việc tạo ra những kết hợp từ bất thường. Ngôn ngữ trong nhiều thi phẩm ở hệ hình này gần như đã được tháo dỡ, lắp ráp lại theo nhiều kiểu, nhiều cách để có thể nói được nhiều điều, nhiều chiều, kể cả chiều khuất lấp. Điều này cũng xuất phát từ chính quan niệm về thơ của hệ hình sáng tác này - thơ giờ đây không còn để miêu tả một thế giới nhìn thấy mà là khám phá thế giới ấy ở bề sâu, ở những điều chưa biết.

Ở những thi phẩm được sáng tác theo tinh thần hậu hiện đại, có sự hiện diện của mọi lớp từ, kể cả từ tục, từ chỉ những bộ phận sinh dục,... Rồi tiếng nước ngoài được Việt hóa, những từ tiếng Anh, tiếng Pháp đệm chen,... Tinh thần dân chủ hóa, giải trung tâm hóa ngôn ngữ bộc lộ mạnh mẽ qua đây. Và sự hòa trộn các lớp ngôn từ ở đây không chỉ nhằm xóa bỏ định kiến trong ứng xử với ngôn ngữ mà còn tạo ấn tượng về tính hỗn độn, như hình ảnh sống động của một thế giới hiện thực hỗn độn trong

cảm quan của con người thời hậu hiện đại. Tuy nhiên, đã có quá nhiều thi phẩm đưa cuộc chơi quá đà nên thật sự gây phản cảm ở người đọc.

4. 3. Nhịp điệu thơ văn xuôi

4.3.1. Nhịp điệu và nhịp điệu trong văn học

Nhịp điệu, theo ***Từ điển tiếng Việt,*** là*"sự lặp lại một cách tuần hoàn các âm mạnh và nhẹ theo những trật tự, cách thức nhất định"* [136,720]. Ở tác phẩm văn học, nhịp điệu được biểu hiện sinh động, tinh tế và cũng khá phức tạp bao gồm nhịp âm thanh (nhịp lời) và nhịp ý nghĩa (nhịp hình ảnh, cảm xúc).

Nhịp âm thanh là những kết cấu âm thanh được lặp lại một cách đều đặn thể hiện ở những hình thức ngữ âm, tiết tấu câu thơ, số lượng âm tiết, lặp hay đối ứng về từ vựng, ngữ pháp,… Loại nhịp này nổi trên bề mặt câu chữ nên dễ nhận biết và nó cũng tác động trực tiếp vào thính giác, đem đến cho người đọc cảm nhận về sự chuyển động âm thanh đều đặn, du dương, khơi gợi những cảm xúc thẩm mỹ.

Nhịp ý nghĩa được tạo lập bởi sự lặp lại có tính chu kì của các yếu tố thuộc bình diện nội dung (môtip, hình ảnh, cảm xúc, ý tưởng nghệ thuật,..). Loại nhịp này phần nhiều tồn tại ở mạch ngầm văn bản, nằm ở cảm xúc, ấn tượng hay trường liên tưởng của thi nhân. Phạm vi khảo sát nó thường không dừng lại ở câu, đoạn mà là toàn bài. Do đó, so với nhịp âm thanh, nhịp ý nghĩa khó nhận diện hơn. Nhịp ý tác động trực tiếp vào tư duy, khơi gợi những hình ảnh biểu tượng gián tiếp của thị giác, xúc giác đem đến cho người đọc cảm giác về sự vận động nhịp nhàng của hình tượng cảm xúc, của thế giới cuộc sống đang được phản ánh.

4.3.2. Nhịp điệu thơ văn xuôi trong tương quan giữa nhịp lời và nhịp ý tưởng

Ở ***Nhịp điệu trong văn chính luận Hồ Chí Minh trên nền nhịp điệu thơ văn Việt Nam,*** tác giả đã đưa ra 9 tiêu chí nhận diện nhịp âm: ngừng/ngắt nhịp, trường độ, cao độ, tốc độ, cường độ, điểm nhấn, đường nét, hiệp vần và phối thanh. Còn để nhận diện nhịp ý, cần phải dựa vào sự phân cấp của các cấp độ hình tượng trong sự đối ứng và lặp lại các yếu tố cùng loại. Với thơ văn xuôi, hình thức văn xuôi của văn bản thơ đã khiến nhịp âm tiêu giảm đáng kể. Và như để bù trừ, thể thơ này có sự gia tăng nhịp ý. Có những bài gần như không vần, không luân phiên bằng trắc, không quan tâm cả việc phối hợp về trường độ trong các nhịp, song

sự đối ứng về ý tưởng cũng tạo nên sự luân phiên lặp lại về tư tưởng, tạo nên nhịp ý cho bài thơ. Có thể nói, với thơ văn xuôi, nhịp ý chính là yếu tố cơ bản tạo nên tính nhịp điệu của nó.

4.3.3. Các kiểu nhịp điệu tiêu biểu của thơ văn xuôi Việt Nam

4.3.3.1. Kiểu nhịp điệu đối xứng

Nhịp điệu đối xứng được hiểu là kiểu tổ chức nhịp điệu có sự cân xứng, ứng đối nhau, nhịp trước hô ứng với nhịp sau, cân bằng về số tiếng, đối xứng về thanh điệu. Kiểu nhịp này gắn liền với phép song hành cú pháp.Trong ba hệ hình thơ thì kiểu nhịp đối xứng xuất hiện nhiều hơn ở thơ văn xuôi tiền hiện đại bởi tính hô ứng, cân xứng của nó tạo sự nhịp nhàng, đăng đối, dễ nhớ, dễ thuộc, dễ đưa người đọc "chuồi theo dòng cảm xúc" cùng tác giả. Tuy nhiên, như phần trên có trình bày, kiểu nhịp thiên về bình diện ngữ âm này thường chỉ xuất hiện trong vài đoạn, vài dòng ở một văn bản thơ.

4.3.3.2. Kiểu nhịp điệu trùng điệp

Đây là mô hình tổ chức nhịp điệu có sự lặp, trùng nhiều lần một quãng nhịp, một yếu tố hay một đường nét âm thanh nào đó. Trong thơ văn xuôi nó thường biểu hiện ở những bài thơ có sự lặp, trùng nhau về độ dài hoặc cao độ, hoặc điểm nhấn hay thanh điệu, hoặc các kiểu câu có cùng cấu trúc. Kiểu nhịp điệu này đi liền với phép điệp từ, điệp ngữ, liệt kê. Đây cũng là kiểu nhịp điệu đặc trưng của thơ văn xuôi, nó xuất hiện thường xuyên ở cả ba hệ hình sáng tác.

4.3.3.3. Kiểu nhịp điệu tự do

Được hiểu là kiểu tổ chức nhịp điệu không dựa theo một khuôn hình nhịp điệu nhất định nào nhưng vẫn tạo được sự cân đối hài hòa, nhịp nhàng nhờ sự đối ứng về ý tưởng, sự hòa thanh của một số âm tiết trong nhịp, nhất là những âm ở vị trí đầu hay cuối nhịp, sự phối hợp các nhịp dài ngắn đan xen,... Kiểu nhịp tự do được thể hiện rất linh hoạt, sinh động. Nó đem lại nhạc tính tự nhiên, vừa khúc chiết vừa mềm mại, uyển chuyển, và cũng dễ mô phỏng thành công nhịp sống của đối tượng phản ánh. Đây là kiểu nhịp điển hình nhất, đặc trưng nhất của thơ văn xuôi. Nó được thể hiện rộng rãi ở hầu hết các văn bản thơ, đặc biệt là ở các sáng tác thuộc hệ hình hiện đại. Bởi nó hoàn toàn thích hợp với đặc điểm của hệ hình: kiểu tư duy nhảy cóc, đứt đoạn, với những cấu trúc không vần.

KẾT LUẬN

1.Thơ văn xuôi đã hiện diện trong đời sống văn học Việt Nam gần một thế kỉ, song những vấn đề xung quanh đối tượng này vẫn chưa có được sự đồng thuận cao từ giới nghiên cứu. Diễn tiến phức tạp của thể loại trong đời sống văn học đương đại càng làm cho việc xác định nội hàm của nó càng khó bao quát hơn. Điểm chung nhất trong nhìn nhận về thể thơ này, đó là: *thuộc phương thức trữ tình, có cấu trúc câu giống văn xuôi, được tổ chức theo mô hình văn bản văn xuôi nhưng sử dụng tất cả các phương tiện của thơ, nhịp điệu không cố định, không theo mô hình âm luật nào*.

Trong hệ thống thể loại văn học, thơ văn xuôi tuy có quan hệ gần gũi với một số thể loại khác nhưng nó vẫn có những nét riêng khẳng định tư cách thể loại của mình.

2. Dựng lại bức tranh toàn cảnh thơ văn xuôi từ hệ hình thơ tiền hiện đại qua hiện đại và hậu hiện đại, luận án đã cho thấy sự vận động, phát triển của thể thơ này. Sự vận động không chỉ hướng đến tính hoàn bị mà nó đã là ý thức, là nhu cầu không ngừng tự đổi mới của thể loại. Ở hệ hình tiền hiện đại, nó là tiếng nói đầy đặn nhất của *cái tôi bản ngã*. *Kiểu thơ truyền cảm* với *tư duy liên tục* của hệ hình đã truyền dẫn thông suốt những khát vọng về tình yêu, tình đời, tình đồng đội, tình đất nước quê hương của con người Việt Nam hơn thế kỉ qua. Với hệ hình hiện đại, tiếng nói trong thơ văn xuôi đã là tiếng nói của những *cái tôi đa ngã*. Lặn sâu với những nghiệm sinh, với "nỗi cô đơn toàn phần" lạnh buốt, với những day trở, dằn vặt, những trang thơ văn xuôi của hệ hình này đã dẫn thông vào miền tâm linh sâu thẳm, vào những góc khuất của đời sống hiện đại. *Kiểu tư duy đứt đoạn, nhảy cóc* thích ứng trong việc diễn tả dòng ý thức bất định nhưng hoàn toàn không dễ cảm nhận nếu tiếp xúc với nó bằng mỹ học truyền thống. Ở hệ hình thơ hậu hiện đại, thật sự thơ văn xuôi Việt Nam mới dừng lại là những thể nghiệm và nó vẫn chưa có được sự thuận chiều trong tầm đón nhận của người đọc song, qua một số thi phẩm của những tác giả tiêu biểu, bước đầu nó cũng đã định hình khá rõ kiểu *cái tôi vô ngã* và kiểu *tư duy vừa liên tục vừa đứt đoạn*. Điểm đáng ghi nhận nhất ở hệ hình này là bằng cảm quan hậu hiện đại, những sáng tác này đã phản ánh trung thực con người và thời đại, đã lật tẩy cái thực trạng mà thơ tiền hiện đại đôi khi cố tô hồng và hiện đại thì nỗ lực thay đổi nhưng bất lực. Song vấn đề là phần ghi nhận đó chưa được

nhiều trong khi lại có quá nhiều những tác phẩm đi quá đà dẫn đến những phản ứng tiêu cực từ người tiếp nhận.

3. Từ góc độ phương thức thể hiện, luận án khảo sát ba phương diện: tổ chức kết cấu, ngôn ngữ và nhịp điệu. Với hình thức trình bày của văn bản văn xuôi, kết cấu trong thơ văn xuôi thật sự linh hoạt, đa dạng, mới mẻ và độc đáo. Trên bề nổi là những hình thức văn bản hết sức tự do. Ở bề sâu, nó được tổ chức vừa chặt chẽ theo mạch chảy của dòng tâm trạng vừa tự do, bất định theo dòng ý thức. Cụ thể với các kiểu *kết cấu theo mạch cảm xúc – liên tưởng, kết cấu trùng điệp, kết cấu theo dòng tâm tư bất định,* hay *kiểu giấc mơ, kết cấu dán ghép kiểu tranh lập thể,* hay *dán ghép cơ học*. Các kiểu kết cấu này thật sự đã làm tốt vai trò mang chở những cái tôi bản ngã lúc nào cũng căng trào cảm xúc hay trĩu nặng suy tư, cũng như những cái tôi đa ngã nhiều góc khuất trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Trên bình diện ngôn ngữ, vì thuộc thể loại thơ nên ngôn ngữ thơ văn xuôi vẫn có những điểm chung với ngôn ngữ thơ. Song, với đặc trưng của thể loại, ngôn ngữ thơ văn xuôi vẫn thể hiện nét riêng. Đó là thứ ngôn ngữ coi trọng tính tạo hình cũng như chú trọng yếu tố kết hợp thay vì quan tâm đến tính biểu hiện và sự lựa chọn như ngôn ngữ thơ nói chung. Với đặc trưng này, thơ văn xuôi đã dễ dàng thâm nhập đời sống - từ đời sống hiện thực đến đời sống tâm linh. Về nhịp điệu, vì là sự kết hợp giữa thơ và văn xuôi nên cách tổ chức nhịp điệu của thơ văn xuôi tiếp nhận cả cách tổ chức nhịp điệu trong thơ lẫn trong câu văn hiện đại. Nếu trong thơ cách luật, nhịp lời đóng vai trò chủ yếu trong việc kiến tạo nhịp điệu thì ở thơ văn xuôi, nhịp ý lại thu hút được sự chú ý nhiều hơn của người sáng tác. Và thơ văn xuôi Việt Nam có ba kiểu tổ chức nhịp điệu: đối xứng, trùng điệp và tự do, trong đó đặc trưng nhất là nhịp trùng điệp và nhịp điệu tự do. Những kiểu nhịp điệu này được sử dụng phổ biến vì nó phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc cuồn cuộn, sôi nổi hoặc những suy nghĩ, những lập luận nhiều góc cạnh, phức tạp về cuộc sống của người cầm bút.

4. Nghiên cứu đặc trưng của thơ văn xuôi Việt Nam chính là để khẳng định vị trí của nó trong hệ thống các thể loại thơ ca dân tộc. Trong khuôn khổ luận án không thể thể hiện đầy đủ mọi mặt của vấn đề mà chỉ có thể đi vào những nội dung cơ bản nhất, đặc trưng nhất. Song, qua đó cũng có thể thấy được thế mạnh và giới hạn của thể loại. Nó sẽ vẫn còn là một hướng sáng tạo đầy triển vọng bởi khả năng đi sâu, cày xới cái

vương quốc vô tận của đời sống tinh thần con người cùng khả năng khám phá đời sống trên diện rộng của nó. Song, thật sự với hình thức "văn xuôi hóa" của nó, cùng với những thể nghiệm mang tính chất tiên phong mà người cầm bút dùng nó để mang chở đã làm cho nó không dễ dàng được mọi đối tượng tiếp nhận. Đó là chưa kể đến trong thời đại ngày nay, những thể loại ngắn gọn, cô đúc được khuyến khích thì việc "nói nhiều" của thơ văn xuôi cũng là một thách thức.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Chính (2014), "Dấu ấn phân tâm học trong thơ văn xuôi", *Phân tâm học với văn học*, Nxb Đại học Huế.

2. Nguyễn Thị Chính (2014), "Chơi giữa mùa trăng – Thế giới của cõi mộng, của sự huyền diệu", *Tạp chí khoa học* - Trường Đại học An Giang, quyển 5 (0).

3. Nguyễn Thị Chính (2016), "Đặc trưng ngôn ngữ thơ văn xuôi", *Tạp chí khoa học Đại học Sài gòn*, Số 15(40).

4. Nguyễn Thị Chính (2016), "Thơ văn xuôi Việt Nam nhìn từ hệ hình tư duy", *Thế hệ nhà văn sau 1975 – Diện mạo và thành tựu*, Đại học văn hóa (Hội thảo khoa học quốc gia).

5. Nguyễn Thị Chính (2016), "Cái tôi trữ tình trong thơ văn xuôi Việt Nam hậu hiện đại", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 383.

6. Nguyễn Thị Chính (2016), "Các dạng thức kết cấu của thơ văn xuôi Việt Nam hiện đại", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Huế, Tập 122, số 8 /2016

HUE UNIVERSITY
COLLEGE OF SCIENCES

NGUYỄN THỊ CHÍNH

THE CHARACTERISTICS OF MODERN VIETNAMESE PROSE POEM

Program: VIETNAMESE LITERATURE
Code: 62 22 01 21

DISSERTATION SUMMARY
VIETNAMESE LITERATURE

HUE – 2016

This study is completed at College of Sciences, Hue University

Supervisor:

1. Assoc. Prof. Đỗ Lai Thúy
2. Dr. Hoàng Đức Khoa

Reviewer 1: .....
.....

Reviewer 2: .....
.....

Reviewer 3: .....
.....

The dissertation is defensed at Hue University level Graduate Council

at: .....

At….time….date….month…..year…

The dissertation is archived at the library of….

INTRODUCTION

1. Topic choice reason

1.1. Prose poem has been present in the world since early 19th century. In Vietnam, it was born and developed for nearly a century. However, it is still not familiar with various audiences or acknowledged by researchers. In conclusive writing of poetic picture by an author related to a certain stage or creativity career, it is still omitted or passed.

1.2. After 1975, prose poem appeared more substantially. Accordingly, researches of prose poem were more quantitative. However, though it attracted certain attention, there was a bunch of ideas and remarks which are still unclear. Name, features, identifying criteria, etc…are controversial issues. At present, as for genre theory and creativity fact, prose poem in Vietnam still faces with endless issues which require more study.

1.3. Each literary genre is characterized, which earns it position in the genre house. As an intermediary between poetry and prose, it itself is complicated, so it is more necessary to find out its characteristics as for researchers and lecturers.

For those above-mentioned reasons, we choose **"The characteristics of modern Vietnamese prose poem".**

2. Research purpose:

Studying this topic, we aim to provide a general picture of creativity of Vietnamese prose poem, to sketch up its outline and development; and to define prose poem's characteristics. This is to partly contribute to defining prose poem's position in genre system of national poetry.

3. Research target and research scope

3.1. Research target

- Dissertation's research target is Vietnamese prose poem's writings since early 20th century.

3.2. Research scope

Dissertation's research scope is the direction to clarify the characteristics of modern Vietnamese prose poem.

4. Research methodologies

The dissertation exploits following basic methodologies: typology,

paradigm, comparison – collation. Besides, other methods to approach writings in poetic manner or activities such as: analysis, statisctic, categorization and textual survey, etc...

5. The dissertation's contribution:

The dissertation is inclined to make scientific contributions as follows:

Firstly, through the survey of prose poem in Tho Moi movement so far (inclusive of 1955-1975 southern poetry), the dissertation rebuilds the overall picture of prose poem in the last century.

Secondly, the dissertation applies paradigm theory, to describe the improvement of prose poem chronologically, and also to act as a criteria to identify the characteristics of prose poem at each period, as well as as for each author and work.

Thirdly, the dissertation clarifies artistic methods characterized by prose poem while benchmarking other poetic genres.

6. The dissertation's structure

Apart from Introduction, Conclusions and References, the dissertation content is displayed in 4 chapters:

Chapter 1. Research overview

Chapter 2. Research premises of prose poem

Chapter 3. Three paradigms of Vietnamese modern prose poem

Chapter 4. Artistic modality of Vietnamese modern prose poem

Chapter 1
RESEARCH OVERVIEW

1.1. Research fact of genre theory

1.1.1. Internationally

The collection of prose poem (Vietnamese and International) quoted from ***Literary Dictionary (French)*** definitions of prose poem in Father of La Bresche, by Guze De Balzac and Baudelaire. In the introduction of ***Prose poem: international collection***, Michael Benedikt specifies viewpoints of prose poem. The paper of ***What is a prose poem***? mentions definition, the establishment and development of this poetic genre. In ***The American prose poem, Poetic form and the Boundaries of Genre***, Michel Delville addresses the poetic genre's history. However, compared with international prose poem, researches into genres entering Vietnam are still limited.

1.1.2. Nationally

Ở Việt Nam, những công trình, bài viết tiêu biểu bàn luận trực tiếp về thơ văn xuôi có thể kể: ***Một vài ý kiến về thơ văn xuôi*** (Xuân Diệu), ***Thơ văn xuôi*** (Hà Minh Đức), ***Tư duy và cấu trúc nghệ thuật thơ văn xuôi*** (Nguyễn Ngọc Thiện), ***Thơ văn xuôi hay là thơ không vần*** (Nguyễn Trọng Tạo), ***Nghĩ về thơ văn xuôi*** (Nguyễn Đăng Điệp), ***Một số đặc điểm của thơ văn xuôi*** (Lê Thị Hồng Hạnh), ***Thơ văn xuôi - nhu cầu tự thân của thời đại*** (Dương Kiều Minh), ***Thơ văn xuôi - tiềm năng và phát triển*** (Nguyễn Văn Dân),…Bên cạnh đó là những chuyên luận về thơ Việt Nam hiện đại, đương đại có những quan tâm đến thể thơ này: ***Thơ trữ tình Việt Nam (1975 - 1990)*** của Lê Lưu Oanh, ***Thơ trữ tình Việt Nam từ giữa thập kỉ 80 đến nay - Những đổi mới cơ bản*** của Đặng Thu Thủy,… Những nghiên cứu thơ văn xuôi ở nhà trường như: ***Diện mạo thơ văn xuôi Việt*** (Hồ Tú Anh), ***Bước đầu tìm hiểu một số đặc điểm của thơ văn xuôi và sự thể nghiệm của thể thơ này trong phong trào Thơ mới ở Việt Nam*** (Trần Ngọc Hiếu), ***Sự thâm nhập của chất văn xuôi vào thơ Việt Nam đương đại*** (Nguyễn Thanh Tâm),…

In Vietnam, typical papers with direct discussion of prose poem are: ***Some ideas of prose poem*** (Xuân Diệu)***, Prose poem*** (Hà Minh Đức)***, Artistic thought and structure of prose poem*** (Nguyễn Ngọc Thiện), ***Prose poem or free verse poem*** (Nguyễn Trọng Tạo)***, Thinking of prose poem*** (Nguyễn Đăng Điệp), ***A number of characteristics of prose poem*** (Lê Thị Hồng Hạnh), ***Prose poem-self-motivated contemporary need*** (Dương Kiều Minh)***, Prose poem-potentiality and development*** (Nguyễn Văn Dân)***,etc...***Besides, specialized essays of modern and contemporary Vietnamese poem are interested in this poetic genre: ***Vietnamese romantic poem (1975 - 1990)***, ***Vietnamese romantic poem since mid-80th decade-basic transformations, etc...*** Academic researches of prose poem include: ***The outline of Vietnamese prose poem, Initial research of prose poem's characteristics and the experience of this poetic genre in Tho Moi movement in Vietnam, The integration of prose substance in contemporary Vietnamese poem, etc...***With these studies, it is possible to say that, issues of *definitions, characteristics, boundaries of genre, artistic accumulation* as well as *potentiality and prospect* of this poetic genre are brought up. Generally

speaking, core issues of the genre are all indicated. However, they are mostly scattered and single ideas without being unanimous. Remarks are raised mostly in an irrational and hesitating way.

1.2. Research fact of Vietnamese prose poem

In this area, typical papers are found to be written by Lưu Khánh Thơ and Vũ Quỳnh Loan who takes notice of improved paths of Vietnamese prose poem together with its success. Academic researches typically include essays by Trần Ngọc Hiếu, the thesis by Lê Thị Hồng Hạnh, Lê Ngọc Chương, Trần Thị Phúc Hiếu, and the dissertation by Vũ Quỳnh Loan,... This study focuses on the characteristics of poetic genre in terms of its content and its form. However, the study's scope covers the survey of the main target which is prose poem in ***The collection fo prose poem (Vietnamese and international)*** by Nguyễn Văn Hoa and Nguyễn Ngọc Thiện [44]. The dissertation by Vũ Quỳnh Loan broadens basis symbolic system in prose poem and places prose poem in modern Vietnamese poetry. As for typical authors in this writing, there are papers related to Đặng Đình Hưng, Chế Lan Viên, and Mai Văn Phấn, etc... The related study is still limited, but papers also focus on authors who are prominent figures of the genre.

Generally, researched papers notice core issuses of the genre, but only on overall viewpoint, without any analysis and deployment both at width and in depth. Therefore, its identification is hard. A wide variety of raised issues are not widely agreed and left open. In academic studies, since 2000, prose poem has received substantial interest. However, there is no paper with overall survey materials. Researches done into authors are only a few.

Stemming from above-mentioned research fact, the dissertation firstly would re-systemize genre theory on grounds of inheritance and dialogue, then, secondly would outline Vietnamese prose poem since early 20^{th} century. Finally, to clarify distinguishing characteristics of Vietnamese prose poem.

Chapter 2. RESEARCH PREMISES OF PROSE POEM

2.1. Identifying prose poem

2.1.1. Prose poem viewpoint

Make prose poem and poetic prose homogeneous (quotations of ***French literary dictionary***). This viewpoint defines that romantic and rhetorical prose is prose poem. Actually there are common points among them, but one belongs to prose, and the other belongs to poetry, they cannot be homogeneous.

Make prose poem and free verse poem homogeneous (Baudelaire, ***Literary terminology dictionary,*** Nguyễn Trọng Tạo,..). In our opinion, this poetic genre does not place the importance on the rhyme, but still does not reject it. In a number of poetic works, B - T is connected in harmony, or medial rhyme and terminal rhyme appear, though not frequently.

Prose poem is the poetic genre of enjambment. Typically, it is the paper of ***What is a prose poem?,*** the introduction in ***Prose poem: international collection*** and the author M. H. Abrams mentions ***Gloomy Paris*** by Baudelaire, ***Garland*** by Rimbaud. In our opinion, this viewpoint clarifies core features of typical prose poem. However, creativity fact shows that prose poem does not only include poem of enjambment.

The dissertation's viewpoint of prose poem: *is the romantic poetic genre with sentence structure similar with that of prose, the line is inclined to lengthen or follow in succession, which is organized in prose textuality, variable rhyme, not be subjected to any prosody system.*

Prose poem is demonstrated in two forms. Standard form, poems displayed in the form of prose textuality of enjambment. Open form, free verse poems illustrated in lines' length of over 11, 12 syllables, which are short romantic poetry-rich prose.

2.1.2. Some identifying criteria of prose poem

In our opinion, core and typical characteristics used to identify prose poem are:

2.1.2.1. Freedom in poem organization

First of all, it is the freedom in organizing lines. Prose poem does not lock itself in regulated numbers of syllable. Lines are not end-stopped, unrhymed, and unscored. In the form of prose, it mostly is dependent on the emotion and idea of poet.

In the poem's structure, it appears often in free prose textuality, or prose combined with poetic lines. It sometimes shows up in the form of a narrative, a script, a memoir or a letter, etc…It is possible to say that the organizational textuality form of prose poem is diverse, abundant and free.

2.1.2.2. Poetic content is filled with intellectuality

Poetical ideas of prose poem prevail with intellectuality. The prose flexibility brings this poetic genre outreaching the usual border of rhyme and prosody. To impress audience, it depends mostly on poetical ideas. It must be unique and new in the structure, with "unexpected thought connections", and the ability to create obsession. The intellectuality reveals through the ability to connect. Connectivity in prose poem is diverse. Many prose poems with their open-minded substance convert reality into the world of dream and metaphysical thought.

2.1.2.3. The trend of hidden musicality

Musical patterns in poem are built from: rhyme, meter, sound, even personal intonation. However, prose poem only places the importance on rhyme and tone. However, rhyme in prose poem is not easily noticeable because it is mostly emotional rhyme, idea rhyme. As for tone, prose poem considers harmonious music mixture necessary. However, it still goes in line with the author's emotion without any tone rule. It is possible to say that music of prose poem is the "inner music", music of the soul. Therefore, the trend of hidden musicality is a remarkable characteristic of prose poem.

2.1.3. Prose poem and genre interrelation

2.1.3.1. Prose poem in the interrelation with original genre – poem and prose

Prose poem is different from other poetic genre, which is shown in the fact that it steps away from prosody constraints, the poem is not divided into paragraphs, lines. Lines are not separated as rhyme unit, without any regulation of word numbers in a syllable and a number of syllables. Prose poem is similar to prose in the usage of leveled structure and open sentences. On the other hand, compared to prose, it has more advantage in terms of rhyme and tune.

2.1.3.2. Prose poem in the interrelation with contiguous genre

As for romantic prose, prose poem has a lot in common, however, they belong to two different forms. Therefore, they focus on exploiting introverted world, but as for romantic prose, the validation is still the point d'appui of emotion and reminiscence. As for prose poem, the poem is mostly the emotional discovery and revelation of romantic characters. The connectivity in prose poem, though diverse but still in not able to delineate from the real world's image. The connectivity in prose poem is out-going, open-minded, diverse and subjective. Characterized by prose, the reasoning and organizational stream of romantic prose poem is quite clear. Its content is demonstrated in a dominant inspiration, a certain subject, while the movement in prose poem is hard to define. Its content covers unstable demonstrations.

As for free poem, prose poem is considered to be "at its peak of development". Free poem is flexibly elastic, which is tuned into the author's emotion. However, it is still subjected to line segmentation. As for prose poem, this form is no longer available. As a matter of fact, there some poems which are regarded as prose poem, appear in line segmentation. In these cases, poetic lines possess a big number of syllables. Because the broadening of syllable makes "*poetic rhyme gets loose, unclear rhythm, poetic musicality is mixed in the rhyme of prose*" [107; 376], it is possible to say that it is inclined to become prose poem in the form of open prose poem.

2.2. Forming premises of Vietnamese prose poem

2.2.1. "Ancient prose" – intermediary rythmic genre as the thinking premise of the genre

Researchers Xuân Diệu, Hà Minh Đức, Nguyễn Đăng Điệp address that ancient prose is the contiguous genre of prose poem. This is logical scientific theory. Because in the genre and formative system of national literature, intermediary rhyme forms between poem and prose are numerous (poetic essay, funeral oration, etc…). Therefore, the appearance of prose poem is not unexpected. This can be related to its internal origin. In other words, ancient prose is the thinking premise of prose poem.

2.2.2. The ego's appearance

Early 20th century, literature is converted into modern category due to various reasons whereas the most important reason is the ego awareness. It could be confirmed that the ego is meaningful in national cultural life because it wakes up strong liberation of personal energy including that of creativity. Early 20th century literature has seen prominent achievements of approving personal freedom, and ascertaining the ego intensively in terms of content and demonstrative form. This encourages the development of free genres with milestones of creativity subject, including prose poem.

2.2.3. The development of new genres

In less than half-century, Vietnamese literature has completed genre system whereas genres interact and intervene into one another. This is the motivation for literal development, and at the same time, it makes each genre more diverse with open artistic space on the ground of obtaining other genre's experience. Prose poem, an intermediary genre between poem and prose must certainly be a part of such process. Besides, French poetry is a great source of influence. According to Nguyễn Văn Dân, prose poem integrates into Tho Moi Movement from the path of symbolic poetry and French surreal poetry [30].

2.3. Overview of three poetic paradigms

2.3.1.. Research fact of paradigm in Vietnam

Paradigm is hệ hình in Vietnamese. It is originally used in the structural linguistics by F. Sausssure, showing the transformation of suffix through various usage. It "travels" to the area of philosophy and becomes a theory, a research methodology ranging from natural sciences to social sciences. In Vietnam, Đỗ Lai Thúy is the one who approaches paradigm as a theory and a methodology. Through his researches, various paradigm's issues are raised as selective criteria or the modelization of 3 paradigms in genres, etc…

2.3.2. Determination criteria of paradigm

According to researchers Đỗ Lai Thúy, Hoàng Ngọc Tuấn, Đào Tuấn Ảnh, that criterion is the definition of reality or definition of reality and human being. We also define 3 poetic paradigms of pre-modernism, modernism and postmodernism on the basis of *reality definition*.

2.3.3. Features of three poetic paradigms

2.3.3.1. Features of premodernism paradigm

International viewpoint is the objective world; human awareness is the tool to reflect the world to heighten creativity including literature. This is to reflect and revive reality whereas reality is the mood reality as for poetry. Therefore, poetry of this paradigm is expressive poetry in which emotional world of the author is centered, and the poem conveys the message to the audience. To smooth the transmission channel, poetic thought of this paradigm is *continuous thought*, the whole poem is a clear and successive structure to ensure that the audience can perceive the soul of the subject. The romantic ego of this poetic paradigm is the *instinctive ego*. The ego which always heighten the personal freedom, harmonious with the nature, and coloring owing to its emotion and imagination.

2.3.3.2. Features of modernism paradigm

As for modern human being, reality is not only known things but the unknown and undiscovered. Rejecting the simple reality, the artist would like to "*find a more pristine and noble reality*". Literary work now is not to demonstrate reality but to discover reality in depth. As for poetry, expressive poetry becomes attractive poetry – which does not reveal emotion openly but attracts the emotion or impression from the audience through image, word or rhythm. The center of attraction is text and language. Poetic thought is no longer successive but *discontinuous*. The ground of this thought type is the look of a broken reality, is the skeptical spirit over rationalism. The romantic ego of modern poetry is the *multiple ego*, which means to be numerous. It is the ego of many selves, which is the product of modern society.

2.3.3.3. Features of post modernism paradigm

Post modernism views the world as chaotic and broken things as modernism. But if modernism mourns or looks for a patch up and harmony, post modernism finds those endeavor "*useless and unable to proceed*". As for postmodernism, "*only being fragmented and eclectic is vindicated*". This spirit is clearly illustrated in poetry: postmodern poetry prevails in the reception, eclectic feature. Therefore, postmodern poetry is *both expressive and attractive poetry, both successive and discontinuous thought*. As for the romantic ego, it is the *selfless egoism*. *Less* here is not the western nothingness but it is defined in Buddhism. It

has everything but all are in the form of possibility, in line with each specific case, it will reveal the specific ego. This ego type aligns with fragmented reality in reality viewpoint of postmodern people.

Chapter 3
THREE PARADIGMS OF VIETNAMESE MODERN PROSE POEM

3.1. Pre modern(ism) Vietnamese prose poem

3.1.1. Overview of pre modern(ism) Vietnamese prose poem

Pre modern prose poems are experiences since Tho Moi Movement. Those are works written by Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên (American war), Nguyên Sa, Nguyễn Văn Ngăn, Thu Bồn, Lê Minh Quốc, etc…In nearly a century of establishment and development, prose poem of this paradigm conveys fully thought and emotion of modern people with aspiration, sadness, happiness or contemplation of destiny and life, etc…Besides, it is inclined to the love of country, nation and comrade, etc…

3.1.2. Pre modern(ism) prose poem under the viewpoint of romantic ego

3.1.2.1. The ego of emotion and direct demonstration

Typical for this egoism is the prose poem by Xuân Diệu and Nguyên Sa. Ten prose poems in the volume of ***Epic*** is the lengthening and extension of crucial ideas in his previous works. The romantic ego in this creativity area is still the intimate ego, which demonstrates to the utmost the emotion over natural beauty or human being beauty, the utmost happiness or sadness.

In Nguyên Sa's prose poem, it is similar to the monologue and *em* is the subject image as the lover who reveals emotion of love, and of destiny and contemporary issues. Each poem is the streaming emotion and contemplation. The revelation of love made by the romantic ego though is colored with existentialism, it is still intensive, "honest", which is always expressive and floating in the dream world.

3.1.2.2. Rational ego of rich personality

The most typical representative for this ego is prose poem by Chế Lan Viên (American war). The romantic ego in prose poem by Chế Lan Viên is the epic ego, not the personal ego. However, though it is

deeply contemporary, with its sharpness and emotion, it is still poetry of personality.

The rationalism in prose poem by Chế Lan Viên is not only demonstrated in the inspiration or the depth of contemplation but also the structure and the sharp argument, etc…which makes the poetic argument concrete, fluent and clear with rational thought or rational ego.

3.1.3. Pre modern(ism) prose poem under the viewpoint of thinking type

3.1.3.1. Close and coherent in organizing the text

Close and coherent in building poetic image

The image in pre modern prose poem is built closely: mono-channel and successive movement. It is possible to appear free linkage, unexpected connection but poetic stream is improved in line with inner rule of emotion, which is consistent with the objective process of the context. The advantage of prose poem is the structure is tilted to prose, it can broaden maximum up to the author's contemplation. Therefore, the image in prose poem is rich in engraving, and also persuasive as well.

Close and coherent in organizing the language

First of all, it must be the clear and bright language which directly illustrate the author's emotion. However, with the function to describe the object and reveal the emotion directly, it should be the language rich in image, color and expression. Besides, it uses connective words and expletives, etc.. to lead poetic idea and connect phrases; explicate relationship clearly and logically.

3.2. Modern(ism) Vietnamese prose poem

3.2.1. Overview of modern Vietnamese prose poem

Modern Vietnamese prose poem came into existence at post Tho Moi and is prolonged so far. They are "unstable contemplation" with attractive language, richly symbolic with discontinuous thought of prose poem by Hàn Mặc Tử, Phạm Văn Hạnh**,** Nguyễn Xuân Sanh,... This is the voice of a generation who is bewildered in war, together with empty, unsafe and desperate feeling in southern poetry, most notably by Mai Trung Tĩnh, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Duy Thanh... After Doi Moi in 1986, prose poem gets milestones at works written by Thanh Thảo, Hoàng Hưng, Đặng Đình Hưng, Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn

Phấn,… It witnesses updates ranging from content to demonstrative form. Through traditional aesthetics, it would be hard to approach this modern poetry.

3.2.2. Modern(ism) Vietnamese prose poem under the viewpoint of the romantic ego

3.2.2.1. Insecure and skeptical ego

Typical of this ego in the south is Mai Trung Tĩnh, the author with biggest number of prose poems. His poem, of himself or country or love, it reveals an introverted and contemplating egoism. That ego always lives with *panic, lost, bored, tired, desperate and worried feeling*, etc…That complex is not only illustrated through words and lines, it is mentioned through implied lines. The ego by Mai Trung Tĩnh is buried in incompetence and insecurity. The incompetence goes with the insecurity of human fate.

The second representative of ego in prose poem is Nguyễn Quang Thiều. If the insecure ego by Mai Trung Tĩnh is dominated by war context, especially by existentialism, the insecure ego by Nguyễn Quang Thiều stems from the contemporary life. It is the insecure feeling of the living environment; no matter it is the rural or urban. This is more obsessed when the author focuses on human destiny, especially rural women. In his poem, they are the symbol of pain, disgrace and poor. He mentions this subject in an obsessive way.

3.2.2.2. The "unconscious" ego

It is the ego of integration between the unconscious and the conscious, the unconscious of creativity and the conscious when the unconscious finishes to rearrange the poetic artistic process. The demonstration is when poetry reveals emotion or vague feeling as intuition. Or the ego of deep unconscious, repressed memory. Or the ego of sexual instinct, with the *physical ego*. The representatives include Đặng Đình Hưng, Hoàng Hưng, Mai Văn Phấn, Vi Thùy Linh, Phạm Thị Ngọc Liên, Luynh Bacardi (Nhóm Ngựa trời),etc…

3.2.2.3. Self-denying ego

This is the ego in the direct relation with itself, analyzing and viewing itself. "Ego" fragmentation is analyzed to reflect and deny one another. However, to deny is to be back to the self, to renew itself. This

is demonstrated most notably by Thanh Tâm Tuyền. The ego in this author's poem is twisted and turned, looking for the ego. However, it always finds bitterness. The insecure ego by Mai Trung Tĩnh at its end also touches this self-denying ego.

3.2.3. Modern(ism) Vietnamese prose poem under the viewpoint of thought type

3.2.3.1. Discontinuous thought in the movement of poetic image

Because poetry's function is to illustrate *"the second reality"*, the movement of poetic image superficially is hard to define because of scattered images and details, which is seen at works written by Hàn Mặc Tử, Phạm Văn Hạnh, Đặng Đình Hưng, Hoàng Hưng, Mai Văn Phấn,…

3.2.3.2. Discontinuous thought through linguistic link

Prose poem language is scattered and loose grammatically. At normal linkage, it is displayed in an abnormal way. Maybe it is the way for it to fit in the broken and scattered reality. Besides, it is the language as unconscious stream integrated with one another. This can help the author to intervene in the soul's depth and emotion. But it is still hard to be felt.

3.3. Postmodern(ism) Vietnamese prose poem

3.3.1. Overview of postmodern Vietnamese prose poem

Postmodern prose poem starts with Bùi Giáng. It is only continued after Doi Moi. However, if Bùi Giáng is witty, Đặng Thân, Bùi Chát, Khương Hà, Lynh Bacardi,… are sarcastic and aggressive. They bring in slang and dialect, etc…They raise issues of "sacred temple" and "miscellaneous" so much that the audience regard postmodern poetry as "uncultural"[19]. Some works by Mai Văn Phấn, from illogical fragmentations of reality, we can see the harshness of life or gentle choice to adapt as in poems by Nguyễn Thế Hoàng Linh.

3.3.2. Postmodern(ism) prose poem under the viewpoint of romantic ego

In line with fragmented reality is the *selfless ego*. Its demonstration is the *relative ego* – relative with the common, but still has its own value. Second demonstration is the *external ego* which is not deep, only responding immediately and superficially. With these two demonstrations, in prose poem of postmodern age, this ego is clarified in

the *kidding and sarcastic ego*. It is the sharp ego by some postmodern poets with their perception to be "*a chaotic world which is meaningless and unable to be aware of*". Bùi Giáng in the bewilderment leaves traits of this witty ego. The sarcastic ego is inclined to various issues and targets especially the consumption society.

3.3. Postmodern(ism) prose poem under the viewpoint of thought

3.3.3.1. Successive and discontinuous thought in poetic image

If poetic image in pre modern poem is built coherently and continuously, in modern one, it is scattered and discontinuous, in postmodern one, with eclectic feature, it is both successive and discontinuous. **Hanoi winter season** is written by Nguyễn Thế Hoàng Linh with consistency, fragmentation is highlighted in **Dream** by Bùi Giáng, ***Thanks to James Joyce*** by Đặng Thân,...

3.3.3.2. Successive and discontinuous thought through rhythm

Rhythm in prose poem is in line with image and emotion. Therefore, pre modern prose poem, rhythm is smooth because its image is consistent and successive. As for modern prose poem, image is scattered, discontinuous, its rhythm is also discontinuous. Postmodern prose poem exists with both rhythms. However, some are "Ngo's head and So's body", unexpected organization of line with the successive and discontinuous features.

Chapter 4
ARTISTIC MODALITY OF MODERN VIETNAMESE PROSE POEM

4.1. The textuality of prose poem

4.1.1. The structure in the continuous movement of emotion and connection

This is the textuality of heightening the order in revealing emotion and thought, which must be organized in succession.

The structure of emotional and connective stream

This is the structure in which symbol and emotion are aligned with the movement of the author's emotions. According to this structure, the poem's emotion is conveyed through sequences of detail and image. On the other hand, it is rich in contemplation, and it is more inviting and

contemplating. With similar connectivity, it has the advantage in illustrating emotional feeling with colors.

Concurrence structure

This is the structure in which symbol and image is places into overlapping details, increasing the significance of the symbol and image. This is the most typical structure of pre modern and modern prose poem. Overlapping structure with the repetition ranging from demonstrative form to the idea exploitation, which creates the harmony of uninterrupted rhythm and close argument to illustrate thoughts and perception towards life.

4.1.2. The structure in unstable movement of the stream of awareness

This is the textual organization owing to unstable awareness stream whereas thought, emotion and connection unexpectedly show up and get integrated with one another.

The structure of unstable confidence

This organizational type was born at the early stage of prose poem. In ***Play in moon season*** by Hàn Mặc Tử, poetic image is displayed spiritually. Prose poem by Phạm Văn Hạnh is smoothly free and spontaneous in the author's reminiscence. In ***Love's sadness*** by Tô Thùy Yên, the poem is the discontinuous narrative with unexpected turning points. The poetic structure makes it easy to discover the unconscious depth of human being.

The structure of dream

This structure is present when the author creates the dim and vague atmosphere of illusion. People behave in an abnormal way and possess strange ideas. Connection, discontinuous emotion, illusion, etc..are remarkable features of this structure.

4.1.3. Paste-up structure

Cubist picture paste-up

Those are poems in which line, word and image exist independently or seemingly in an independent way. The subject is twisted continuously with cube, trait and color. Each image is the subject in another time setting, space, perspective, and another scene. Among these scenes, there is no scene of greater importance over other. They appear together without any visible connection if viewed with 2-way

complex. This structure can obtain maximum life reality and spirit because it gets rid of other forms of syntax, rhyme and prosody of poetry.

"Mechanical" paste-up

This structure is displayed in the form in which various text connected to build a new text regardless of the same type or not. This structure is for sarcastic purpose or poetic attitude.

Modern and postmodern poem is the view of broken reality, therefore paste-up structure is quite popular. However, modern poem is inclined to paste-up cubist picture revealing the existential viewpoint from inner depth, postmodern poem focuses on mechanical paste-up on the surface of text. Some authors of this structure are Bùi Chát, Lý Đợi, Đặng Thân, Nguyễn Thúy Hằng, etc…

4.2. Prose poem's language

4.2.1. Features of prose poem's language

Language's self-definition as the target

In the work of ***What is poetry***, Jakobson addresses that, word in poetry is not simply naming signal, it is self-governing language. This means that it has its own value before it has to perform the instrumental function. Therefore, poetic language is both content and form. It is the great interference between sound and significance. This feature is well displayed in works written by Đinh Hùng, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Xuân Sanh, Nguyên Sa, Mai Trung Tĩnh, etc…

4.2.1.2. The language of equivalent principle

Poetry is where "*Language sets itself as the saver"* so the poet can organize the language in a separate way. According to Jakobson, it is the linguistic integration on equivalent basis. This principle is displayed at all levels of language. This characteristic is well illustrated in prose poem.

4.2.2. Prose poem language – increase plasticity and broaden integrated form

Increase the plasticity

The combination of poem and prose leads to the arrogance of language, especially in the plastic language. To exploit the plasticity of language, to involve the audience in the traits and vital image of the

target is to cover "drawback" regarding sound and form of this poetic genre.

The plasticity of prose poem language in pre modern prose poem is existential "drawing". It is the *image inclined to optic, and to specific perception*. Prose poem language of this paradigm is rich, colorful with personalized, connective, and comparative methods. The viewpoint of world as the objective world, people can obtain all there, whereas poetry is the simulation and reflection, leading to the language display in this form.

By contrast, as for modern people, the world they saw previously is unknown with various issues deep down. This is poetry's duty. Therefore, image in poetry of this paradigm is not obvious. It is already the image of another dimension – the surreal spirit. Therefore, the plasticity in modern prose poem is inclined to symbol.

With postmodern creativity paradigm, eclectic feature enables it to reuse the available in literal resource to work on, including language. However, as addressed by Hoàng Ngọc Tuấn: "*postmodernism cannot return to language and linear narration of pre modernism because it is no longer adaptive to the world of contemporary "hyper-reality", as well as before "hyper-reality", they have to push forward modern technology*" [188].

4.2.2.2. Broadening integrated form

Jakobson raises structural model of poetic line based on system of reference of selective pile over integrated pile. As for prose poem, its advantage is not on each word or single line, but on comprehensive combination along with its emotional stream. Therefore, selection is not a strong point of prose poem language whereas combination is the advantage of this genre. As for pre modern prose poem, it broadens combinative forms by frequently using relative or argumentative word. This word layer supports the demonstration of emotion and contemplation performed by the subject. Especially, it makes arguments in the poem coherent, and linear in the model of **Meaning – Word.**

As for modern prose poem, its crucial issue is not to create meaning but to create words, not expressive but attractive. Therefore, it focuses mainly on abnormal word combination. Language in various

poetic works of this paradigm is rearranged in many types to reveal many issues and dimensions, even hidden dimension. This stems from poetic viewpoint of this creativity paradigm – poetry is not to discover the visible world but to exploit that world in the unknown depth.

In poetic works of postmodernism, there is the presence of all word layers, even smutty words, words of organ of copulation, etc…Foreign language converted to Vietnamese, English, French, etc… Democratized spirit, decentralization of language is revealed intensively. The mixture of word layer is not only to delete prejudices with language but also to impress in the chaos, vital image of a chaotic real world as perceived by postmodern people. However, some works exaggerate and distract the audience.

4. 3. The rhythm of prose poem

4.3.1. Rhythm and literary rhythm

Rhythm, as in ***Vietnamese Dictionary***, is the "circulated repetition of strong and weak syllable in certain order and method" [136,720]. In literal works, rhythm is vitally demonstrated and complicated including sound rhythm and meaning rhythm.

Sound rhythm is sound structure frequently repeated in syllable, word, grammar, etc…This rhythm type is superficial and tangible, easily impact on hearing.

Meaning rhythm is established with periodical repetition of features of content (motive, image, emotion, art, etc..). This rhythm type lies in the hidden stream, at the emotion, impression of the author. Its survey scope does not only on paragraph or line but the poem as a whole. Therefore, compared to sound rhythm, meaning rhythm is harder to be identified.

4.3.2. Prose poem rhythm in the relation with spoken word rhythm and idea rhythm

In ***Rhythm in Hồ Chí Minh commentary on the ground of Vietnamese literal rhythm,*** the author raises 9 identification criteria of rhythm: stop/pause, length, pitch, speed, trait, rhyme and score. To identify idea rhythm, it is necessary to divide image levels to respond and repeat factors of the same type. As for prose poem, the prose form of poetic textuality makes sound rhythm disappear a great deal. However,

this genre increases idea rhythm. There are poems which are unrhymed, without tone, length. But the repetition of idea creates idea rhythm for the poem.

4.3.3. Typical rhythm of Vietnamese prose poem

4.3.3.1. Symmetrical rhythm

Symmetrical rhythm is the organization of symmetry; the former rhythm corresponds with the latter one. This type is connected with parallel syntax. In three paradigms, symmetrical rhythm appears more in pre modern prose poem because of its symmetry which is easy to remember and memorize, to "indulge the audience in emotional stream". However, this rhythm type only shows up in some lines and some paragraphs.

4.3.3.2. Overlapping rhythm

This is the repetitive and overlapping rhythm, factor, or sound trait. In prose poem, it appears in poems of repetition and overlap over length or pitch. This type goes with repeated words and list. This is also typical rhythm of prose poem, appearing in 3 paradigms.

4.3.3.3. Free rhythm

This is the rhythm of no pre-defined model, but it creates the harmony of idea, and sound of syllable, especially at the first and the last syllable. Free rhythm is demonstrated flexibly and vitally. It brings natural musicality, soft, which is easily simulated. This is the most typical rhythm of prose poem. It is illustrated popularly in almost every poetic text, especially ones of modern paradigm. Because it is completely suitable with the paradigm's characteristic: discontinuous thought with unrhymed structure.

CONCLUSIONS

1.Prose poem appears in Vietnamese literary life for a century, but issues of this subject do not gain the consensus from researchers. Its complication in the genre life makes it harder to define its connotation. The common point of view of this poetic genre is that: *it is romantic model, with similar structure with prose, organized in prose textuality but uses all poetic means, unstable rhythm, without any prosody.*

In literary genre, prose poem is close to some other genres, however it still has separate traits as its genre feature.

2. Rebuilding the overall picture of prose poem form pre modern to modern and postmodern paradigm, the dissertation shows the movement and development of this poetic genre. The movement does not only aim to the completion, but it is the awareness of unceasing renewal of the genre. At pre modern paradigm, it is the richest of *the ego. Expressive poetic type with successive thought* of the paradigm conveys smoothly aspirations of love, life, comrade, country and nation of Vietnamese people over the last century. As for modern paradigm, the voice in prose poem is the voice of the ego. Experienced in life upheavals, with "full-time loneliness" which is chilled with twists and turns, prose poem of this paradigm leads to the deep part of spirit and hidden corners of modern life. *Discontinuous and skippable thought* corresponds with demonstrating unstable stream of awareness. However, it is not easy to perceive if we communicate with it by traditional aesthetics. As for postmodern paradigm, Vietnamese prose poem only stops at experiments, it does not enjoy the acknowledgment by the audience. In some typical works of influential authors, it clearly sets the tone for *the selfless ego* and *successive and discontinuous thought type*. The most remarkable point of this paradigm is through postmodern sense, these written works honestly reflect human being and the age, reveal the reality which pre modern poem tries to color, while modern poem tries to make changes but they are unsuccessful. However, that acknowledgement is still limited when some exaggerating works lead to negative reaction from the audience.

3. In terms of demonstrative method, the dissertation surveys in three aspects: structural organization, language and rhythm. With demonstrative method of prose poem, the structure in prose poem is flexible, renewed and unique. There are free textual forms superficially. In depth, it is closely organized in line with free and unstable mood and awareness stream. Specifically, *the structure in emotional stream – connection, overlapping structure, unstable confidence, dream type, paste-up cubist structure, or mechanical paste-up.* This structural type is successful in the role of carrying egos with rich emotion or contemplation, as well as multiple ego with hidden corners in modern Vietnamese poem. As for linguistic area, because it belongs to poem,

language of prose poem shares common points with poetry's language. It is the language which heightens the plasticity and combinative factor instead of demonstrative factor and selective feature as in poetry's language in general. With this characteristic, prose poem can easily be integrated into life – from real life to spiritual life. As for rhythm, because it is the combination between poetry and prose, the rhythm organization of prose poem receives that of poetry and modern literature. In poetry, prosody and spoken word rhythm plays a crucial role in building rhythm; in prose poem, idea rhythm attracts more attention. Vietnamese prose poem possesses 3 types of rhythm organization: symmetrical, overlapping and free. These are popularly used because they are suitable with illustrating intensive emotion or sharp arguments of the author's life.

4. To study characteristics of Vietnamese prose poem is to ascertain its position in the national poetic system. In this frame, the dissertation does not reveal all aspects but focuses on basic and most characterized aspects. However, strong points and drawbacks of the genre are illustrated. It still represents potential development of creativity because of its ability to dig deep down in the endless nation of human spiritual life. However, with the form of "prose conversion", this poetic genre still does not easily attract all audiences. There are still challenges for this genre.

LIST OF PUBLICATIONS

1. Nguyen Thi Chinh (2014), "Highlight of psychoanalysis in prose poem", *Psychoanalysis in literature,* Hue University Publishing house.

2. Nguyen Thi Chinh (2014), "Choi giua mua trang – A magical world", *Journal of Science,* An Giang University, Volume 5(1)

3. Nguyen Thi Chinh (2016), "The word art's characteristic of prose poem", Scientific Journal of Saigon University, no.15 (40).

4. Nguyen Thi Chinh (2016), "The mordern Vietnamese prose poem seen from thinking paradigm", *Generation of writers after 1975 - Appearance and achievements,* University of Culture (International workshop).

5. Nguyen Thi Chinh (2016), "Ego in the postmordern Vietnamese prose poem", Culture an arts magazin, Number 383. May 2016.

6. Nguyen Thi Chinh (2016)," Some kinds of structures of modmodern Vietnamese prose poem", Science Journal, Hue University, no. 122.